

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

HỎI ĐÁP VỀ BẦU CỬ

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Tài liệu phục vụ Hội nghị)

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
THƯỜNG TRỰC ỦY BAN CÔNG TÁC ĐẠI BIỂU

BIÊN SOẠN

- Đồng chí Tạ Thị Yên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổ trưởng Tổ giúp việc về nhân sự, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Đồng chí Trần Văn Lâm, Ủy viên Chuyên trách Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

- Đồng chí Bế Trung Anh, Ủy viên Chuyên trách Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

- Đồng chí Bùi Lê Thu, Chuyên viên cao cấp, Vụ Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

Phối hợp tham gia:

- Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội.

- Công chức, chuyên viên Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và Vụ Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

LỜI GIỚI THIỆU

Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, năm 2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025¹ và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có những nội dung đổi mới quan trọng để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời tiếp tục đề cao và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong bầu cử, ứng cử để lập ra cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại diện của Nhân dân là các quyền cơ bản của công dân đã được hiến định. Thông qua việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Nhân dân sẽ lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân để thực thi quyền làm chủ của mình. Vì vậy, việc lựa chọn những người bảo đảm tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho Nhân dân tham gia vào các cơ quan quyền lực nhà nước là yêu cầu quan trọng và có ý nghĩa chính trị to lớn.

¹ Luật số 72/2025/QH15.

Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã được ấn định là **Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026**. Để phục vụ các tổ chức phụ trách bầu cử, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện những nội dung của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức biên soạn cuốn sách ***“Hỏi đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031”***. Cuốn sách gồm các nội dung cơ bản sau đây:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung.

Phần thứ hai: Các tổ chức phụ trách bầu cử.

Phần thứ ba: Cử tri và danh sách cử tri.

Phần thứ tư: Việc ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Phần thứ năm: Tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử.

Phần thứ sáu: Tuyên truyền, vận động bầu cử.

Phần thứ bảy: Ngày bầu cử, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và xác định kết quả bầu cử.

Phụ lục 1: Danh mục các văn bản hướng dẫn triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Phụ lục 2: Danh mục các mẫu biểu phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trong sách có tổng cộng 195 câu hỏi và nội dung trả lời được biên soạn dựa trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan khác có thẩm quyền. Đặc biệt, một số vấn đề vướng mắc trong quá trình tổ chức bầu cử, được nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương quan tâm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn, giải đáp từ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cũng đã được tập hợp, biên tập, bổ sung vào cuốn sách này để các cơ quan, tổ chức và cử tri tiện tham khảo, tra cứu, sử dụng trong cuộc bầu cử lần này.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, khó tránh khỏi những thiếu sót hoặc chưa đề cập hết các vấn đề được xã hội quan tâm. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu.

BAN BIÊN SOẠN

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 có ý nghĩa chính trị như thế nào?

Trả lời:

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp² ghi nhận. Bầu cử là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức cùng một ngày trên phạm vi cả nước, trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 40 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội; đồng thời tích cực triển khai việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ

² Hiến pháp năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Hiến pháp).

chức lại địa giới hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả để tiến vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, là bước cụ thể hóa nghị quyết gắn liền với công tác cán bộ của Đảng, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi để cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?

Trả lời:

Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất bởi vì theo quy định của Hiến pháp, ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Quốc hội do Nhân dân bầu ra, là cơ quan nhà nước cao nhất thực hiện quyền lực của Nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất còn thể hiện ở chức năng của Quốc hội. Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật. Bằng việc làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất về hình thức và bản chất của Nhà nước; ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định các nội dung cơ bản về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, bảo vệ Tổ quốc và về tổ chức bộ máy nhà nước. Bằng việc làm luật và sửa đổi luật, Quốc hội điều chỉnh các quan hệ xã hội trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, Quốc hội là cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đó là những chủ trương lớn, những vấn đề quốc kế dân sinh, những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Không một cơ quan nào đứng trên Quốc hội trong xem xét, đánh giá việc thi hành Hiến pháp, luật - những văn bản mà chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành. Quốc hội bầu, phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm các chức danh trong bộ máy nhà nước và miễn nhiệm, bãi

nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu, hoặc phê chuẩn theo quy định. Các cơ quan do Quốc hội thành lập và người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu, phê chuẩn phải chịu trách nhiệm, báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân được thể hiện ở các mặt sau đây:

- Trước hết về cách thức thành lập, Quốc hội là cơ quan do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân cả nước, được Nhân dân tin tưởng uỷ thác quyền lực nhà nước, thay mặt Nhân dân quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và chịu trách nhiệm trước Nhân dân cả nước.

- Về cơ cấu tổ chức, đại biểu Quốc hội là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất cấu thành Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho các tầng lớp Nhân dân và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam. Quốc hội là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là biểu trưng sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc Việt Nam.

- Chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội được quy định toàn diện trên các lĩnh vực: lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhằm phục vụ cho lợi ích chung của toàn thể Nhân dân.

Có thể nói, 80 năm hình thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam là 80 năm Quốc hội tận tâm cống hiến vì lợi ích quốc gia và dân tộc, nói lên tiếng nói của Nhân dân, hành động theo ý chí và nguyện vọng của Nhân dân.

Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời:

Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội³ thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính là: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Theo quy định tại Điều 70 của Hiến pháp, Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.

2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

³ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Tổ chức Quốc hội).

3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.

6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ,

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

11. Quyết định đại xá.

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước.

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

15. Quyết định trưng cầu ý dân.

Câu 4. Nhiệm kỳ của Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau. Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá 12 tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

Câu 5. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội nước ta như thế nào?

Trả lời:

Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Quốc hội, hoạt động của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác.

Câu 6. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Quốc hội bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

Câu 7. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?

Trả lời:

Đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Đại biểu Quốc hội được hỗ trợ trong việc xây

dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đại biểu Quốc hội trình theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký tham dự phiên họp do Hội đồng, Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

Đại biểu Quốc hội có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Quốc hội bầu.

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị Quốc hội làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, trưng cầu ý dân, thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, tổ chức kỳ họp không thường lệ, phiên họp kín của Quốc hội và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu Quốc hội thấy cần thiết.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu

cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia ý kiến vào các vấn đề quản lý nhà nước, vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân và các vấn đề khác mà đại biểu quan tâm.

Câu 8. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp toàn thể của Quốc hội; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; tham dự các phiên họp, các hoạt động khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu

thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

Câu 9. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Quốc hội có quyền miễn trừ khi làm nhiệm vụ. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc đề nghị bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trường hợp đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Đại biểu Quốc hội không thể bị cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu công tác bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải nếu không được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý.

Câu 10. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, tổng số đại biểu Quốc hội không quá 500 người, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách. Số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 40% tổng số đại biểu Quốc hội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội làm Phó Chủ tịch. Thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và không đồng thời là thành viên Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 178/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội, các cơ quan chuyên môn của Quốc hội gồm:

- (1) Hội đồng Dân tộc;
- (2) Ủy ban Pháp luật và Tư pháp;

- (3) Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- (4) Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại;
- (5) Ủy ban Văn hoá và Xã hội;
- (6) Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- (7) Ủy ban Công tác đại biểu;
- (8) Ủy ban Dân nguyện và Giám sát.

Đây là các cơ quan của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội được quy định tại Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra, Quốc hội có thể thành lập Ủy ban lâm thời để thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết hoặc báo cáo, dự án khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội hoặc có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc và nhiều Ủy ban của Quốc hội; điều tra làm rõ về một vấn đề cụ thể khi xét thấy cần thiết.

Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức của các đại biểu Quốc hội được bầu tại một tỉnh, thành phố hoặc được chuyển đến công tác tại tỉnh, thành phố. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn đại biểu Quốc hội được quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tổ chức Quốc hội.

Văn phòng Quốc hội là cơ quan hành chính, tham mưu tổng hợp, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội là người đứng đầu Văn phòng Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động của Văn phòng Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu 11. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương? Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới. Việc rút ngắn hoặc kéo dài

nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 12. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

Câu 13. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?

Trả lời:

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân

cùng cấp, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu; kiến nghị tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Câu 14. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền

hạn của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri.

Sau kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri báo cáo kết quả kỳ họp, phổ biến các nghị quyết của Hội đồng nhân dân và vận động Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân

cùng cấp chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết.

Câu 15. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền miễn trừ khi làm nhiệm vụ. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Câu 16. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Số lượng, cơ cấu các Ban của Hội đồng nhân dân được quy định như sau:

- Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội. Hội đồng nhân dân thành phố thành lập Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị. Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội. Hội đồng nhân dân ở tỉnh, thành phố có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số được thành lập Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật;

- Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp. Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân. Số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Nhiệm kỳ của đại biểu Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu bổ sung bắt đầu làm nhiệm vụ đại biểu từ ngày khai mạc kỳ họp tiếp sau cuộc bầu cử bổ sung đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

Nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới bầu ra Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân khóa mới.

Câu 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 và Điều 18 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân thành phố:

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương;

- Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương;

- Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ,

sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

- Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

- Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật;

- Quyết định nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng một số nhiệm vụ của công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; quyết định mức phụ cấp và tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước của địa phương; quyết định chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ người có tài năng và nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động công vụ

tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

- Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình và cấp xã ở địa phương;

- Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật;

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng:

- Thông qua quy hoạch tỉnh đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt; quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh 05 năm và hằng năm, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương, bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; về phí, lệ phí; quyết định chủ trương, biện pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; quyết định việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của địa phương theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chủ trương, biện pháp thúc đẩy liên kết vùng, hợp tác giữa các tỉnh, thành phố theo thẩm quyền.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chính sách, biện pháp khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường và nông, lâm, ngư nghiệp:

- Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

- Thông qua quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông qua việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, rừng thuộc thẩm quyền; quyết định bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, xây dựng, giao thông, phát triển đô thị và hạ tầng đô thị, nông thôn:

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, đô thị, hạ tầng đô thị và nông thôn của địa phương theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

- Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chính sách, biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao tại địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương;

- Quyết định chính sách, biện pháp phòng, chống dịch bệnh; biện pháp thực hiện chính sách dân số của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chính sách, biện pháp quản lý, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác; biện pháp thực hiện nhiệm vụ đối ngoại; biện pháp bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương theo quy định của pháp luật.

9. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan khác ở địa phương.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên, Hội đồng nhân dân thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, hạ

tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

2. Quyết định biện pháp để phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước theo quy định của pháp luật;

3. Thông qua kế hoạch sử dụng đất của thành phố đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

4. Quyết định biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị theo quy định của pháp luật;

5. Quyết định chính sách, biện pháp về quản lý chất lượng môi trường và phát triển bền vững, kiểm soát ô nhiễm và phát triển không gian xanh đô thị theo quy định của pháp luật.

Câu 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 21 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã:

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

- Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

- Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

- Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà

nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

- Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các

ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

- Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

- Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

- Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

- Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

- Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe

ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Đối với Hội đồng nhân dân phường, theo quy định tại Điều 24 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Hội đồng nhân dân phường có nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản

giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã, trừ nhiệm vụ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn. Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân phường thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định biện pháp để thực hiện quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch chung của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

- Quyết định các biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm của đô thị theo quy định của pháp luật;

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

Câu 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì chính quyền địa phương ở đặc

khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng của chính quyền địa phương ở xã. Trường hợp đặc khu được công nhận loại đô thị theo quy định của pháp luật thì chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng của chính quyền địa phương ở phường. Do đó, Hội đồng nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã. Trường hợp đặc khu được công nhận loại đô thị theo quy định của pháp luật thì Hội đồng nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tại đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người thì không tổ chức cấp chính quyền địa phương. Ủy ban nhân dân đặc khu là cơ quan hành chính nhà nước, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, thực hiện vai trò của chính quyền địa phương tại đặc khu này.

Câu 20. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Trả lời:

Đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đó là:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

- Có trình độ học vấn, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ;

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm;

- Có điều kiện tham gia hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Bên cạnh đó, đại biểu Hội đồng nhân dân còn phải cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 21. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?

Trả lời:

Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật thực hiện quyền lựa chọn người đại

biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27 của Hiến pháp và Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân⁴ quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 22. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?

Trả lời:

Quyền bầu cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

⁴ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội. Vì vậy, thực hiện bầu cử là trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

Câu 23. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 7 của Hiến pháp và Điều 1 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc bầu cử phổ thông;
- Nguyên tắc bình đẳng;
- Nguyên tắc bầu cử trực tiếp;
- Nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Câu 24. Thế nào là nguyên tắc phổ thông trong bầu cử?

Trả lời:

Nguyên tắc bầu cử phổ thông là một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ bầu cử. Theo nguyên tắc

này, mọi công dân, không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật (trừ những người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự). Nguyên tắc này thể hiện tính công khai, dân chủ rộng rãi, bảo đảm để công dân thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của mình.

Câu 25. Thế nào là nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử?

Trả lời:

Bình đẳng là một nguyên tắc quan trọng xuyên suốt quá trình bầu cử, từ khi lập danh sách cử tri cho đến khi xác định kết quả bầu cử. Nguyên tắc này nhằm bảo đảm tính khách quan, không thiên vị để mọi công dân đều có khả năng như nhau tham gia bầu cử và ứng cử; nghiêm cấm mọi sự phân biệt, kỳ thị dưới bất cứ hình thức nào. Nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử được thể hiện như sau:

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình cư trú;

- Mỗi người chỉ được ghi tên vào danh sách những người ứng cử ở 01 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội hoặc 01 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc 01 đơn vị hành chính ở cấp tương ứng;

- Mỗi cử tri chỉ được bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp;

- Giá trị phiếu bầu của mọi cử tri như nhau mà không có sự phân biệt.

Nguyên tắc bình đẳng đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, số lượng đại biểu được bầu ở từng địa phương, bảo đảm tính đại diện của các vùng, miền, địa phương, các tầng lớp xã hội; các dân tộc thiểu số và phụ nữ có tỷ lệ đại diện hợp lý trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Câu 26. Thế nào là nguyên tắc bầu cử trực tiếp?

Trả lời:

Bầu cử trực tiếp là việc cử tri trực tiếp đi bầu cử, tự bỏ lá phiếu của mình vào hòm phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm vào cơ quan quyền lực nhà nước. Điều 69 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Cử tri không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư. Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ,

nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Câu 27. Thế nào là nguyên tắc bỏ phiếu kín?

Trả lời:

Nguyên tắc bỏ phiếu kín bảo đảm cho cử tri tự do lựa chọn người mình tín nhiệm mà không bị tác động bởi những điều kiện và yếu tố bên ngoài. Theo đó, cử tri bầu ai, không bầu ai đều được bảo đảm bí mật. Cử tri viết phiếu bầu trong khu vực riêng, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử; không ai được biết và can thiệp vào

việc viết phiếu bầu của cử tri. Cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 28. Thế nào là bầu cử dân chủ, đúng pháp luật?

Trả lời:

Một cuộc bầu cử được coi là bầu cử dân chủ và đúng pháp luật phải đảm bảo các yếu tố sau đây:

- Việc bầu cử phải tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín;
- Bảo đảm các quyền bầu cử, ứng cử, vận động bầu cử. Quy định cụ thể những trường hợp bị tước quyền bầu cử, ứng cử; những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử và những trường hợp không tham gia bầu cử;
- Quy định rõ quy trình, thủ tục giới thiệu người ứng cử, hiệp thương, bầu cử lại, bầu cử thêm, bầu cử bổ sung để đảm bảo lựa chọn được những người tiêu biểu, xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Bảo đảm quyền của cử tri nơi người ứng cử công tác (hoặc làm việc), cư trú được nhận xét, bày tỏ ý kiến của mình về sự tín nhiệm đối với người ứng cử;
- Quy định rõ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác bầu cử;
- Việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về bầu cử phải được thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng; các

vi phạm về bầu cử phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Câu 29. Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu là bao nhiêu người? Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại cuộc bầu cử lần này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu là 500 đại biểu.

Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Căn cứ vào dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội. Thực hiện quy định nói trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết đề dự kiến số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang

nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Câu 30. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố do cơ quan nào dự kiến và theo căn cứ nào?

Trả lời:

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố được xác định theo các căn cứ sau đây:

- Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;
- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 người.

Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ đại biểu Quốc hội Trung ương hợp lý ở mỗi tỉnh, thành

phổ và quy định tại Nghị quyết dự kiến và phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI⁵.

Câu 31. Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Ban Thường vụ trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

Số người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cũng phải bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương.

⁵ Nghị quyết chưa được ban hành tại thời điểm ra sách này.

Câu 32. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc:

- Tỉnh có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;

- Thành phố có từ 1.200.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.200.000 dân thì cứ thêm 75.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;

- Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được bầu 125 đại biểu.

Theo quy định tại Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2025.

Câu 33. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo nguyên tắc:

- Xã ở miền núi, hải đảo có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Xã không thuộc trường hợp nêu trên có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Phường thuộc tỉnh có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Phường thuộc thành phố có từ 15.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 15.000 dân đến 45.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 45.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Đặc khu có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Theo quy định tại Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2025.

Việc xác định xã ở miền núi, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã giao Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm xác định xã ở miền núi; Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm xác định xã ở hải đảo và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Câu 34. Trường hợp số dân dùng để tính số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính còn dư thì có được làm tròn số không?

Trả lời:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã quy định cụ thể nguyên tắc xác định số lượng đại biểu HĐND đối với từng loại đơn vị hành chính: tỉnh, thành phố; xã, phường, đặc khu căn cứ vào dân số, đặc điểm (miền núi, hải đảo) và số lượng đơn vị hành chính trực thuộc. Chẳng hạn:

- Tỉnh có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;

- Phường thuộc tỉnh có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Thực hiện đúng các quy định nêu trên thì nếu số lượng dân tăng thêm (so với mức chuẩn đầu tiên) ở 01 đơn vị hành chính đáp ứng đủ điều kiện để bầu thêm 01 đại biểu thì mới được tính thêm 01 đại biểu vào tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị hành chính đó (tức là không có việc chia bình quân và làm tròn số). Ví dụ: tại phường X có tổng số dân là 11.000 người thì số đại biểu Hội đồng nhân dân phường được bầu vẫn chỉ là 15 đại biểu bởi số dân tăng thêm so với tiêu chuẩn từ trên 10.000 đến 20.000 dân chỉ có 1.000 người (thấp hơn mức 2.000 dân để được tăng thêm 01 đại biểu theo quy định của Luật). Tại tỉnh Y có dân số là 1.761.829 người (tính đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025), căn cứ theo quy định của Luật sẽ được bầu 50 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng với 1.000.000 dân đầu tiên và thêm 10 đại biểu ứng với 700.000 dân tiếp theo ($70.000 \text{ người} \times 10 \text{ lần}$); số dân còn lại là 61.829 người ít hơn 70.000 người, chưa đủ để bầu thêm 01 đại biểu nên không được tính nữa. Như

vậy, tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Y nhiệm kỳ 2026 - 2031 được bầu là 60 đại biểu.

Câu 35. Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình, các đơn vị hành chính cấp dưới và các

cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là tổ dân phố) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; chú trọng tới chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị

hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; có tỷ lệ hợp lý đại biểu đại diện các tôn giáo, dân tộc, giới tính, độ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người ứng cử đại biểu là người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương và phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử theo dự kiến;

- Người ứng cử đại biểu là phụ nữ, bảo đảm đạt tỷ lệ ít nhất 35% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp; phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Người ứng cử đại biểu là người ngoài Đảng, phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 10% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Người ứng cử là người trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 15% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tái cử, phần đầu đạt tỷ lệ không dưới 30% ở từng cấp.

Câu 36. Việc xác định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc xác định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính được căn cứ vào quy định của Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể như sau:

1. Về số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

- Thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

- Thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

- Tỉnh hình thành sau sắp xếp có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

- Đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp có không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

2. Về số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

- Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp:

- + Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

- + Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Trưởng Ban.

- Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp:

- + Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

- + Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 03 Phó Trưởng Ban;

- + Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

- Ban Đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố hình thành sau sắp xếp có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

- Ở đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

3. Về số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã: Hội đồng nhân dân cấp xã có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

4. Về số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã:

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 02 Phó Trưởng Ban.

- Căn cứ quy mô diện tích tự nhiên, dân số, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, quy mô kinh tế, tình hình thực tiễn của địa phương và định hướng của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm tổng số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã của tỉnh, thành phố không vượt quá tổng số lượng tính theo khung bình quân quy định nêu trên.

5. Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách thực hiện theo nguyên tắc:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức

danh: Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân;

- Hội đồng nhân dân cấp xã có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức danh: Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;

Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm 1 nêu trên giảm tương ứng 01 người.

- Trường hợp bố trí Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quy định tại điểm 2 và điểm 4 nêu trên giảm tương ứng 01 người.

6. Việc bố trí Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách:

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được tính bình quân 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 01 Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của từng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân cấp xã của các đơn vị hành chính trực thuộc, bảo đảm không vượt quá tổng số lượng Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và tổng số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động chuyên trách tính theo mức bình quân trong toàn tỉnh, thành phố.

Tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp trong năm 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội mà có số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cuối nhiệm kỳ 2021 - 2026 nhiều hơn số lượng quy định nêu trên thì đầu nhiệm kỳ 2026 - 2031 được giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như cuối nhiệm kỳ 2021 - 2026. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố phải có lộ trình để giảm dần số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng

Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề đến tháng 7 năm 2030 thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện đúng quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác.

Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hoạt động chuyên trách thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô.

Căn cứ các quy định của luật và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố cần khẩn trương rà soát, xem xét, ban hành Nghị quyết quy định cụ thể số lượng Phó Trưởng Ban, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động chuyên trách của các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, làm cơ sở để các địa phương dự kiến cơ cấu, thành phần và giới thiệu người ứng cử phù hợp.

Câu 37. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thực hiện việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm.

Câu 38. Trách nhiệm của Chính phủ đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm kinh phí, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức bầu cử, bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền, an ninh, an toàn và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cuộc bầu cử.

Câu 39. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Câu 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Riêng Ủy ban nhân dân cấp xã còn có thêm một số trách nhiệm khác như xác định khu vực bỏ phiếu và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 4 Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân). Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cử tri theo khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho cuộc bầu cử.

Câu 41. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp, tham gia cùng Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Câu 42. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ của mình chỉ đạo tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác bầu cử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử phải vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, năng lực thực hiện của các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, vừa phải bảo đảm bảo mật các thông tin, kết quả bầu cử theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Các nội dung nghiệp vụ công tác bầu cử cần được tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- Cập nhật, báo cáo tình hình, tiến độ bầu cử;
- Việc lập, niêm yết danh sách cử tri, in Thẻ cử tri; cập nhật tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu;
- Hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết

quả kiểm phiếu phải bảo đảm chính xác và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bầu cử.

- Các nội dung khác trong nghiệp vụ công tác bầu cử phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

3. Trước khi áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử, các địa phương phải xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, phải tuyệt đối bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu về bầu cử, thực hiện cơ chế vận hành thử nghiệm, kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin trước khi thực hiện.

Trường hợp áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến cách thức, trình tự bỏ phiếu trong ngày bầu cử, cập nhật kết quả bầu cử, việc kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia trước khi thực hiện.

Câu 43. Đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?

Trả lời:

Các cuộc bầu cử phải được tiến hành theo các đơn vị bầu cử. Đơn vị bầu cử là khái niệm chỉ một phạm vi địa lý hành chính tương ứng với một lượng dân cư nhất định để bầu một số lượng đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân xác định.

Theo quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì có các loại đơn vị bầu cử sau đây:

- Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Theo đó, tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Theo đó, xã, phường, đặc khu được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc phân chia đơn vị bầu cử được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ.

Câu 44. Việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội: Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc

hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố và được công bố **chậm nhất là ngày 25 tháng 12 năm 2025** (80 ngày trước ngày bầu cử).

Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố **chậm nhất là ngày 25 tháng 12 năm 2025** (80 ngày trước ngày bầu cử).

Câu 45. Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 4 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định:

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá 03 đại biểu.
- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá 05 đại biểu.

Câu 46. Khu vực bỏ phiếu là gì? Việc xác định khu vực bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Khu vực bỏ phiếu là phạm vi địa lý hành chính có số dân nhất định. Việc chia khu vực bỏ phiếu mang ý nghĩa kỹ thuật, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử của mình. Chính vì vậy, khu vực bỏ phiếu có phạm vi hành chính nhỏ hơn đơn vị bầu cử và được xác định theo đơn vị bầu cử.

Theo quy định tại Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ 300 cử tri đến 4.000 cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ 300 cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu. Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên; đơn vị vũ trang nhân dân; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Việc xác định đơn vị vũ trang nhân dân là khu vực bỏ phiếu riêng do Ban Chỉ huy đơn vị quyết định. Việc xác định các khu vực bỏ phiếu còn lại do Ủy ban nhân dân cấp

xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh việc xác định khu vực bỏ phiếu. Việc xác định khu vực bỏ phiếu được thực hiện trước khi thành lập Tổ bầu cử.

Việc phân chia khu vực bỏ phiếu và xác định khu vực bỏ phiếu được quy định cụ thể tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ và Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in Thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 ban hành kèm theo Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Câu 47. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Do tính chất và đặc điểm về thời gian tổ chức bầu cử, nên việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử không thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử chủ yếu nhằm mục đích bảo đảm cho các bước, các công đoạn trong quá trình tổ chức bầu cử được tiến hành đúng quy định của pháp luật; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm vẫn thực

hiện theo các quy định khác có liên quan của pháp luật (ví dụ như pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về thanh tra, về khiếu nại, tố cáo, về hình sự...).

2. Điều 46 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về việc xác minh, trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phát sinh trong quá trình giới thiệu, hiệp thương, lựa chọn người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Điều luật này đã nêu rõ trách nhiệm và thời hạn xác minh, trả lời đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Kết quả xác minh, trả lời về các vụ việc nói trên là cơ sở để hội nghị hiệp thương lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử. Theo đó, công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội là các cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là

các cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Như vậy, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đều phải được Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia tiếp nhận, ghi vào sổ, chuyển đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện việc xác minh, trả lời làm cơ sở cho việc giải quyết của các cơ quan phụ trách bầu cử theo thẩm quyền.

Đối với các vụ việc cử tri nêu lên về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong thời gian tiến hành hiệp thương thì việc xác minh và trả lời được thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Kết quả xác minh, trả lời đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; kết quả xác minh, trả lời đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương để làm cơ sở cho hội nghị hiệp thương lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng.

Các tố cáo về người ứng cử từ sau khi kết thúc hội nghị hiệp thương lần thứ ba hoặc việc xử lý kết quả xác minh những vụ việc cử tri nêu mà chưa được trả lời theo thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 46 và khoản 4 Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đều thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia theo quy định tại Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Các khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết được chuyển đến Ủy ban thường vụ Quốc hội (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về nguyên tắc, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về tư cách của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, liên quan đến việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các thông tin trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử nơi đã lập và công bố danh sách này. Khi tiếp nhận các khiếu nại,

tố cáo, kiến nghị thuộc loại nói trên, Ban bầu cử phải chuyển ngay cho Ủy ban bầu cử để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền (điểm e khoản 3 Điều 24 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân). Căn cứ vào kết quả xác minh, trả lời của các cơ quan hữu quan, Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) có thể quyết định xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong danh sách chính thức những người ứng cử hoặc thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội), Ủy ban bầu cử (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) là quyết định cuối cùng.

Ban bầu cử chỉ giải quyết những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị mang tính kỹ thuật liên quan đến việc công bố, niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử (ví dụ như về thời điểm niêm yết, vị trí, cách thức niêm yết danh sách, các sai sót in ấn trong danh sách đã niêm yết...). Trong trường hợp công dân không đồng ý với giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) thì Hội đồng bầu cử quốc gia giải quyết; trường hợp công dân không đồng ý với giải quyết của Ban bầu cử (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) thì Ủy

ban bầu cử cấp tương ứng giải quyết; trình tự giải quyết được căn cứ vào nội dung vụ việc khiếu nại hay tố cáo.

4. Các tố cáo liên quan đến sai phạm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương, đến thành viên của Ủy ban bầu cử, đến các Ban bầu cử, Tổ bầu cử đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Tuy nhiên, Ủy ban bầu cử chỉ xem xét, quyết định về các nội dung liên quan trực tiếp đến việc tổ chức bầu cử; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm được thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Câu 48. Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 95 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ: Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào quy định của Luật này, Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật

số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15) đã quy định cụ thể 02 tội liên quan đến bầu cử gồm:

- Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 160):

“1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

- Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161):

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo

không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử (như kê khai hồ sơ ứng cử không trung thực, gian dối, giả mạo thông tin, vi phạm các quy định về vận động bầu cử...) thì có thể bị xóa tên trong danh sách chính thức những người ứng cử hoặc nếu đã được bầu thì cũng không được công nhận tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Phần thứ hai

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Câu 49. Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?

Trả lời:

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

- Hội đồng bầu cử quốc gia.
 - Các Ủy ban bầu cử được thành lập ở các đơn vị hành chính có tổ chức Hội đồng nhân dân gồm:
 - + Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố;
 - + Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu.
 - Các Ban bầu cử được thành lập ở từng đơn vị bầu cử gồm:
 - + Ban bầu cử đại biểu Quốc hội;
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
 - Các Tổ bầu cử được thành lập ở từng khu vực bỏ phiếu.
- Việc thành lập, cơ cấu, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu

cử ở địa phương thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ.

Câu 50. Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập như thế nào? Số lượng thành viên, cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội thành lập gồm từ 15 đến 21 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập theo Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội khóa XV để tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia là ông Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Chủ tịch Quốc hội được Quốc hội bầu theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 04 Phó Chủ tịch và 14 Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia đại diện cho các cơ quan trung ương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Câu 51. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Hội đồng bầu cử quốc gia là gì?

Trả lời:

Hội đồng bầu cử quốc gia có các chức năng, nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội;
- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;
- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử;
- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử;
- Quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu Thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

Câu 52. Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trả lời:

Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Hội đồng bầu cử quốc gia được giao thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử;

2. Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI; nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố gửi đến;

3. Gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiêu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện việc hiệp thương. Giới thiệu và gửi hồ sơ của người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu đề về ứng cử tại các tỉnh, thành phố;

4. Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo từng đơn vị bầu cử; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội trong trường hợp có căn cứ theo quy định của luật;

5. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của các Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chuyển đến; lập

biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trong cả nước;

6. Quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội hoặc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

7. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trong cả nước; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI;

8. Trình Quốc hội khóa XVI báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu;

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; chuyển giao hồ sơ, khiếu nại, tố cáo liên quan đến những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

10. Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Câu 53. Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trả lời:

Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031,

Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

2. Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

3. Kiểm tra việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

4. Hủy bỏ kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Câu 54. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Hội đồng bầu cử quốc gia đã thành lập 04 Tiểu ban để tham mưu và giúp Hội đồng trực tiếp chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, xử lý một số công việc trong từng mảng lĩnh vực cụ thể, gồm có:

- Tiểu ban Nhân sự;
- Tiểu ban Văn bản pháp luật và Giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền;

- Tiểu ban Đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

Mỗi Tiểu ban có từ 09-15 thành viên, vừa có đại diện thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tham gia làm Trưởng, Phó Trưởng Tiểu ban, vừa có đại diện lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, phụ trách các lĩnh vực, mảng công việc tương ứng.

Đồng thời, trên cơ sở Nghị quyết số 215/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã quyết nghị Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐBCQG ngày 21 tháng 7 năm 2025, Hội đồng bầu cử quốc gia đã phân công 06 người làm Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia để tham mưu, giúp việc, trực tiếp phục vụ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, các Tiểu ban của Hội đồng. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia cũng tổ chức bộ phận thường trực và 07 Tổ giúp việc⁶ để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng. Công chức làm việc tại Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia chủ yếu gồm công chức của các vụ chuyên môn giúp việc các cơ quan của Quốc hội, công chức của Văn phòng Quốc hội và

⁶ Tổ giúp việc về nhận sự; Tổ giúp việc về văn bản pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Tổ giúp việc về bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội; Tổ giúp việc về thông tin tuyên truyền; Tổ giúp việc về tài chính - quản trị, trang điện tử; Tổ giúp việc về thi đua khen thưởng; Tổ tổng hợp.

cán bộ, công chức trung tập hoặc kiêm nhiệm của một số cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan.

Câu 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Tiểu ban Nhân sự giúp Hội đồng bầu cử quốc gia về công tác nhân sự, hồ sơ người ứng cử; dự kiến cơ cấu, thành phần, giới thiệu và phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương về các địa phương; lập danh sách chính thức người ứng cử đại biểu Quốc hội, danh sách đơn vị bầu cử; xác nhận và công bố kết quả bầu cử; thẩm tra tư cách người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

2. Tiểu ban Văn bản pháp luật và Giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử; phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử theo quy định của pháp luật.

3. Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử.

4. Tiểu ban Đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại

biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

5. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Phục vụ Hội đồng bầu cử quốc gia, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia soạn thảo các văn bản thuộc thẩm quyền theo phân công;

- Tổ chức phục vụ các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia. Thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, định kỳ báo cáo, dự thảo thông báo kết luận và hoàn thiện các văn bản của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia đôn đốc, theo dõi và hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn trong triển khai thực hiện công tác bầu cử;

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Thực hiện công tác hành chính, văn thư và tham mưu, đề xuất điều phối xử lý, giải quyết các nhiệm vụ phát sinh liên quan đến hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Bảo mật thông tin, dữ liệu phục vụ công tác bầu cử. Chủ động đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị, điều hành xuyên suốt quá trình phục vụ công tác bầu cử, nhất là trong công tác tổng hợp, thống kê, phân tích;

- Đầu mối tham mưu phân công, điều phối, tổ chức, phục vụ các đoàn công tác, đoàn kiểm tra của Hội đồng bầu cử quốc gia tại các địa phương;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

Câu 56. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố được thành lập để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 năm 2025 (105 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phải ra quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có từ 23 đến 37 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 57. Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu được thành lập để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên địa bàn.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 năm 2025 (105 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu.

Ủy ban bầu cử ở cấp xã có từ 09 đến 17 thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử ở cấp xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở cấp xã phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy

ban nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Câu 58. Trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trả lời:

Trong bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử;

2. Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

3. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở địa phương;

4. Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại địa phương; gửi danh sách trích ngang lý

lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

5. Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định;

6. Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

7. Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội **chậm nhất là ngày 26 tháng 02 năm 2026** (17 ngày trước ngày bầu cử);

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội;

9. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở địa phương;

10. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia;

11. Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

12. Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 59. Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, các Ủy ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trả lời:

Trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

2. Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

3. Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

4. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

5. Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

6. Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031 đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương;

7. Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031 khi có các căn cứ theo quy định của luật;

8. Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình **chậm**

nhất là ngày 26 tháng 02 năm 2026 (17 ngày trước ngày bầu cử);

9. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình;

10. Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp cần thiết;

11. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

12. Trình Hội đồng nhân dân khóa mới ở cấp mình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

14. Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ

2026 - 2031 cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

Câu 60. Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội để trực tiếp phụ trách công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại đơn vị bầu cử đó.

Chậm nhất là ngày 04 tháng 01 năm 2026 (70 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phải ra quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội một Ban bầu cử đại biểu Quốc hội.

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội có từ 09 đến 17 thành viên gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ban bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Câu 61. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp (tỉnh, xã) được thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng để trực tiếp phụ trách công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại đơn vị bầu cử đó.

Chậm nhất là ngày 04 tháng 01 năm 2026 (70 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ 11 đến 15 thành viên. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ 09 đến 15 thành viên. Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thêm đại diện cử tri ở địa phương.

Danh sách Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp với Ủy ban bầu cử đó nhằm bảo đảm thực hiện công tác chỉ đạo, tổ chức bầu cử và kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Câu 62. Người tham gia làm thành viên Ban bầu cử này có được đồng thời tham gia kiêm nhiệm thành viên Ban bầu cử khác nữa không?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ thành phần tham gia các Ban bầu cử phải có đại diện của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tương ứng với từng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan khác.

Luật không quy định thành viên của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội không thể đồng thời là thành viên của Ban bầu cử khác mà chỉ có quy định về những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử, trong đó bao gồm các Ban bầu cử (nếu là người thuộc danh sách ứng cử tại đơn vị bầu cử thuộc phạm vi phụ trách của Ban bầu cử đó). Do đó, tùy tình hình nhân sự và thực tiễn của địa phương, các cơ quan nói trên có thể xem xét, phân công người thích hợp tham gia vào các Ban bầu cử, bảo đảm đầy đủ thành phần theo quy định của Luật.

Câu 63. Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?

Trả lời:

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có chung những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra, đơn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

2. Kiểm tra, đơn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

3. Chỉ đạo, kiểm tra, đơn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;

4. Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là ngày 02/3/2026 (13 ngày trước ngày bầu cử);

5. Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử

tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

7. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

8. Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

9. Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 64. Tổ bầu cử được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Tổ bầu cử được thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2026 (43 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà

nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Tại đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người mà không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân đặc khu sau khi thống nhất với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập tại mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 65. Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập như thế nào? Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung khu vực bỏ phiếu thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì chỉ huy đơn vị quyết định thành lập một Tổ bầu cử có từ 05 đến 09 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó. Danh sách Tổ bầu cử phải được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại khu vực bỏ phiếu đó và Thường trực Hội đồng nhân dân,

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đơn vị đóng quân.

Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương tổ chức chung thành một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Câu 66. Việc thành lập Tổ bầu cử tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Ngoài đơn vị vũ trang nhân dân (như đã nêu tại Câu 65), tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác như bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện, trại tạm giam (quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân) thì việc thành lập Tổ bầu cử vẫn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện như đối với các khu vực bỏ phiếu thông thường khác.

Câu 67. Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?

Trong việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
2. Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;
3. Nhận tài liệu và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từ các Ban bầu cử tương ứng; phát Thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;
4. Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là ***từ ngày 05 tháng 3 năm 2026 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026***);
5. Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp và các khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;
7. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, biên bản kết quả kiểm

phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 để gửi đến các Ban bầu cử tương ứng;

8. Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu khi kết thúc việc kiểm phiếu;

9. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;

10. Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

Câu 68. Các tổ chức phụ trách bầu cử hoạt động theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Hội đồng bầu cử quốc gia hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành. Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo về hoạt động của mình trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương (bao gồm các Ủy ban bầu cử, các Ban bầu cử, các Tổ bầu cử) hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số

thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Các quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia, của các Ủy ban bầu cử ở các đơn vị hành chính được thông qua và thể hiện dưới hình thức nghị quyết.

Câu 69. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức công việc như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử có quyền trưng tập cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập giúp việc cho tổ chức phụ trách bầu cử theo quyết định của người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử.

Các tổ chức phụ trách bầu cử tổ chức quán triệt những nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức phụ trách bầu cử đã được Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định; các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử phải được tập huấn đầy đủ các kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng công tác tập huấn đối với thành viên Tổ bầu cử.

Các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện các công việc theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và thực hiện chế độ báo cáo định

kỳ theo tiến độ về tình hình chuẩn bị, triển khai, thực hiện công tác bầu cử với tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền.

Câu 70. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên trong quá trình thực hiện công tác bầu cử.

Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử.

Trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

Câu 71. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được sử dụng con dấu như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình tổ chức, thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được cấp và sử dụng thống nhất các con dấu theo mẫu do Bộ Công an quy định⁷. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chuẩn bị các con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình; Ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu” (con dấu “Đã bỏ phiếu” theo Mẫu số 39/HĐBC tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia) để bàn giao cho các tổ chức phụ trách bầu cử tương ứng. Các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

⁷ Thông tư số 44/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 và Công văn số 4959/BCA-C06 ngày 04/11/2025 về việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử.

Câu 72. Khi nào Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ?

Trả lời:

Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa XVI báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI.

Câu 73. Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử và việc thay đổi, bổ sung hoặc giữ nguyên thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được tham gia làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử.

Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử ra quyết định xóa

tên người đó khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

Câu 74. Trường hợp bị khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp thành viên tổ chức phụ trách bầu cử bị chết, bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử so với số lượng ghi trong quyết định thành lập thì căn cứ tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình trước ngày bầu cử.

Câu 75. Việc trưng tập người để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Hội đồng bầu cử quốc gia có quyền trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để giúp việc cho Hội đồng bầu cử quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có quyền trưng tập cán bộ, công

chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập để giúp thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức bầu cử.

Câu 76. Khi nào Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ?

Trả lời:

Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Ủy ban bầu cử ở cấp xã kết thúc nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 sau khi Ủy ban bầu cử đã trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 sau khi Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Phần thứ ba

CỬ TRI VÀ DANH SÁCH CỬ TRI

Câu 77. Những người nào được gọi là cử tri?

Trả lời:

Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (ngày 15 tháng 3 năm 2026), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

Câu 78. Việc xác định một người có quốc tịch Việt Nam được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, người được xác định có quốc tịch Việt Nam (là công dân Việt Nam) nếu có một trong những căn cứ sau đây:

1. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam;
2. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai;

3. Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo hướng dẫn của Chính phủ. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam;

4. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam;

5. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai;

6. Người được nhập quốc tịch Việt Nam;

7. Người được trở lại quốc tịch Việt Nam;

8. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai;

9. Khi có sự thay đổi về quốc tịch do nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ; khi có sự thay đổi về quốc tịch do thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ, nếu cha mẹ không có yêu

cầu khác (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con).

Khi chỉ cha hoặc mẹ được nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam hoặc mất quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ; trường hợp cha hoặc mẹ được nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ không thỏa thuận bằng văn bản về việc giữ quốc tịch nước ngoài của người con (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con).

10. Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

11. Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì có quốc tịch Việt Nam, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận việc nuôi con nuôi (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

12. Trẻ em là người nước ngoài được cha mẹ mà một người là công dân Việt Nam, còn người kia là người nước ngoài nhận làm con nuôi thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam của cha mẹ

nuôi (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

13. Người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Người có quốc tịch Việt Nam có thể được chứng minh bằng một trong các loại giấy tờ sau đây:

1. Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;

2. Giấy chứng minh nhân dân; thẻ Căn cước công dân; thẻ căn cước; căn cước điện tử;

3. Hộ chiếu Việt Nam;

4. Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài; Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;

5. Các giấy tờ khác do Chính phủ quy định.

Câu 79. Cách tính tuổi công dân để ghi tên vào danh sách cử tri được quy định như thế nào?

Trả lời:

Công dân từ đủ 18 tuổi tính đến ngày bầu cử 15 tháng 3 năm 2026, tức là ***có ngày sinh từ ngày 15 tháng 3 năm 2008 trở về trước*** thì được xác định là đủ tuổi để được ghi

vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Cách tính tuổi công dân được thực hiện như sau:

- Tuổi của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã được ấn định (ngày 15 tháng 3 năm 2026). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào thông tin ghi trong Căn cước công dân, Hộ chiếu để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử;

- Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng sinh dương lịch của năm sau;

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

Câu 80. Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?

Trả lời:

Những người thuộc các trường hợp sau đây không được ghi tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án;

- Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo;

- Người mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 81. Người bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”. Như vậy, công dân đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi hình phạt bị tước quyền bầu cử) vẫn có quyền bầu cử và được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình cư trú để tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Câu 82. Người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”. Như vậy, những người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì không được tính là đang trong thời hạn chấp hành hình phạt tù và vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử.

Câu 83. Thế nào là người mất năng lực hành vi dân sự? Người có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nhưng không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Trả lời:

Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc

của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Người bị mất năng lực hành vi dân sự sẽ không được thực hiện quyền ứng cử và bầu cử.

Trên thực tế, bệnh nhân tâm thần thường không cư trú cố định ở một nơi. Mạng lưới y tế chuyên khoa hiện tại cũng chưa phát triển rộng khắp nên chưa khám và xác định được họ. Do đó, ở địa phương, nếu có trường hợp có biểu hiện bệnh lý tâm thần rõ rệt, thường xuyên không làm chủ được nhận thức và hành vi thì tuy chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự nhưng gia đình, người giám hộ có cam kết và chính quyền địa phương xác nhận thì họ cũng bị coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 84. Người vừa câm, vừa điếc có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Trả lời:

Người vừa câm, vừa điếc nếu không thuộc các trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri quy định tại Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 85. Việc lập danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 31/HĐBC). Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân.

Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (theo Mẫu số 10/HĐBC), trừ những người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri ở địa phương về việc lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú; trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách những cử tri đang đăng ký tạm trú ở địa phương mình

nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

Chậm nhất là ngày 03 tháng 02 năm 2026 (40 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp xã đã lập danh sách cử tri phải niêm yết danh sách đó tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc thay đổi, bổ sung, cập nhật danh sách cử tri được thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công an.

Câu 86. Việc lập danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri đối với các đơn vị vũ trang nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân lập danh sách cử tri trong đơn vị và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu. Trong danh sách cử tri (theo

Mẫu số 31/HĐBC), đối với cử tri là quân nhân, nếu đăng ký bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì cột “nơi cư trú” ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị đóng quân, không ghi tên hoặc phiên hiệu đơn vị vũ trang nhân dân; cử tri là quân nhân tham gia bầu cử tại nơi đóng quân chỉ thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu vào danh sách cử tri và Thẻ cử tri và chuyển lại cho đơn vị vũ trang nhân dân để thực hiện việc niêm yết tại đơn vị và phát Thẻ cử tri cho quân nhân.

Trường hợp đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì việc lập và niêm yết danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân do Chỉ huy đơn vị quyết định. Chỉ huy đơn vị sau khi lập danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân thì gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn đơn vị đóng quân để tổng hợp và phát Thẻ cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân. Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện chế độ bảo mật về số lượng, danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chỉ huy đơn vị. Quân nhân đã đăng ký thường trú, tạm trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú (theo Mẫu số 12/HĐBC). Khi cấp giấy chứng nhận, đơn vị vũ trang nhân dân nơi có cử tri là quân nhân phải ghi ngay vào mục “Ghi chú” trong danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú” tương ứng với dòng có họ tên của cử tri được cấp giấy chứng nhận.

Trong trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì Chỉ huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đơn vị đóng quân chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát Thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân.

Trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Chỉ huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt sở chỉ huy chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát Thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân.

Câu 87. Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không?

Trả lời:

Tùy thuộc thời gian cư trú hoặc quan hệ gắn bó với địa phương nơi đăng ký tham gia bầu cử mà Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định từng nhóm đối tượng cử tri có phạm vi tham gia bầu cử không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể là:

- Cử tri là người đăng ký thường trú tại khu vực bỏ phiếu và cử tri là người đăng ký tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đơn vị bỏ phiếu từ đủ 12 tháng trở lên thì được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả cấp tỉnh và cấp xã.

- Cử tri là người đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng thì chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình tạm trú nếu có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại nơi tạm trú.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 88. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?

Trả lời:

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi mình đang tạm trú.

- Cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được

niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi tạm trú và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Cử tri vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì làm thủ tục để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 89. Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã?

Trả lời:

Cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã khi thuộc các trường hợp sau đây:

- Cử tri là người thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã;

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã và có thời gian đăng ký tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên;

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú;

- Người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc và đã làm thủ tục để được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú.

Câu 90. Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khoản 5 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện

pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Như vậy, quy định này chỉ áp dụng đối với cử tri là người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với cử tri là người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì việc bảo đảm thực hiện quyền bầu cử được xác định như đối với cử tri là người tạm trú quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó, nếu đến trước ngày bầu cử, những cử tri này trở về nơi thường trú thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp đến ngày bầu cử họ vẫn đang thực hiện việc cai nghiện, chữa trị ở cơ sở cai nghiện, nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử chưa đủ 12 tháng thì những cử tri này được tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử là từ đủ 12 tháng trở lên thì họ được tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở cai nghiện.

Câu 91. Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào?

Trả lời:

Về nguyên tắc, mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri

để thực hiện quyền bầu cử. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Trên thực tế, ở một số địa phương, người di cư tự do sinh sống thực tế trên địa bàn nhưng chưa thể hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương do nhiều lý do khác nhau (ví dụ như chưa có chỗ ở hợp pháp, chưa hoàn thành thủ tục hành chính hoặc không thực hiện việc đăng ký do không hiểu luật...). Do đó, để bảo đảm quyền bầu cử của cử tri là người di cư tự do, tránh gây phiền hà cho cử tri trong việc thực hiện quyền cơ bản của công dân, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho cử tri trên địa bàn biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để cử tri quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể là trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri vẫn có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như đối với cử tri là người tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng (do không có cơ sở để xác định thời gian bắt đầu cư trú tại địa phương).

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức để cử tri là người di cư tự do chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu của địa phương được xác định trên cơ sở các thôn, bản, cụm dân cư hiện có trên địa bàn.

Câu 92. Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp cử tri đã đăng ký thường trú ở địa phương, nếu đã làm thủ tục khai báo tạm vắng thì được coi là không thường trú tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri. Trong trường hợp này, công dân có quyền đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đang tạm trú và thực hiện quyền bầu cử tại nơi tạm trú.

Trường hợp cử tri trở về nơi thường trú trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú để đề nghị được bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú ở địa phương nhưng chưa làm thủ tục khai báo tạm vắng thì dù trên thực tế đã vắng mặt dài ngày ở nơi thường trú, Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn phải ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri để họ thực hiện quyền bầu cử ở địa phương, trừ trường hợp bản thân cử tri hoặc người thân của cử tri đó đã thông báo nguyện vọng của cử tri về việc không tham

gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Đồng thời cần có biện pháp thông tin phù hợp để cử tri biết về việc lập danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử của mình.

Câu 93. Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định: “Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”. Như vậy, về nguyên tắc, cử tri là sinh viên, công nhân cần đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Trường hợp trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng thì cử tri là cán bộ, giáo viên, sinh viên, công nhân không thường trú hoặc tạm trú trong khu ký túc xá hoặc khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp mà có nguyện vọng tham gia bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp (để thuận lợi hơn cho công việc và sinh hoạt của bản thân) có quyền xin cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh

sách cử tri (theo Mẫu số 11/HĐBC) để được bổ sung vào danh sách cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo khu vực bỏ phiếu mới.

Câu 94. Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?

Trả lời:

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri (ví dụ như đi công tác, đi học, du lịch, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thăm thân...) thì có thể xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 11/HĐBC) để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Trường hợp người đã được ghi tên vào danh sách cử tri ở 01 khu vực bỏ phiếu nhưng gần đến ngày bầu cử được chuyển đi cách ly y tế tập trung ở địa phương khác

cho đến hết ngày bầu cử theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không thể thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác như đã nêu ở trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động cấp giấy chứng nhận và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở cách ly tập trung để đề nghị bổ sung người này vào danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới nhằm giúp họ thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của người bị đưa đi cách ly tập trung nội dung ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”.

Câu 95. Việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri sau khi danh sách cử tri đã được lập và niêm yết được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi thường trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới

để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Khi xóa tên cử tri trong danh sách cử tri và cấp Giấy chứng nhận để cử tri đi bỏ phiếu ở nơi khác, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì tùy theo nguyện vọng của bản thân mà được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Công dân Việt Nam từ nước ngoài trở về trong khoảng thời gian nói trên, nếu chưa được ghi tên vào danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu nào thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tùy theo nguyện vọng của bản thân, xuất trình hộ chiếu để được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở

giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp cử tri bị bắt tạm giam, tạm giữ ở địa phương khác với nơi đã được ghi tên trong danh sách cử tri trong khoảng thời gian 24 giờ trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trại tạm giam, tạm giữ không thực hiện việc bổ sung tên của công dân vào danh sách cử tri.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi Thẻ cử tri.

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân hiện hành không còn quy định về việc bổ sung cử tri vắng lai vào danh sách cử tri ngay tại phòng bỏ phiếu trong ngày bầu cử. Do đó, về nguyên tắc, những thay đổi liên quan đến cử tri (như từ nước ngoài trở về Việt Nam, thay đổi nơi thường trú, được trả tự do,...) sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, trừ trường hợp bị xóa tên trong danh sách cử tri thì tính đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu. Đối với cử tri

đã được cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu (theo Mẫu số 11/HĐBC hoặc Mẫu số 12/HĐBC) thì *việc bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi mới cũng được tính đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu*. Sau thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã không thực hiện việc bổ sung danh sách cử tri nữa. Trong các biên bản kết quả kiểm phiếu của Tổ bầu cử (theo Mẫu số 18/HĐBC-QH và Mẫu số 23/HĐBC-HĐND), thì tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu được xác định là số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu được cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu.

Câu 96. Những lưu ý khác trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri là gì?

Trả lời:

Trong quá trình nắm thông tin địa bàn, tiếp nhận yêu cầu, kiến nghị của cử tri để lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri, cán bộ thực hiện việc lập danh sách cần ghi chú rõ một số nội dung sau đây:

- Đối với cử tri là người đăng ký tham gia bỏ phiếu ở nơi tạm trú, cần ghi chú cụ thể thời điểm bắt đầu tạm trú tại địa bàn để làm cơ sở xác định số cấp đại biểu Hội đồng nhân dân mà cử tri được tham gia bỏ phiếu bầu cử.

- Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì ghi chú rõ là “người đang bị tạm giam”, “người đang bị tạm giữ” hoặc “người đang chấp hành biện pháp ... (ghi tên biện pháp xử lý hành chính)”.

- Đối với cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể trực tiếp đi bỏ phiếu thì cần ghi chú rõ để dự trù, có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến để những cử tri này được thực hiện quyền bầu cử.

- Đối với cử tri bị cách ly y tế thì ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”.

- Đối với cử tri có tên trong danh sách nhưng đã được cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì phải ghi chú rõ “Bỏ phiếu ở nơi khác”; cử tri là quân nhân trong danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân đã xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú thì ghi chú rõ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú” để không tính vào tổng số cử tri ở đơn vị bầu cử nữa.

Câu 97. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan

lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực (theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án) nơi có cơ quan lập danh sách cử tri.

Thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính như sau: Từ ngày nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri hoặc kết thúc thời hạn giải quyết khiếu nại mà không nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri đến trước ngày bầu cử 05 ngày.

Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán thụ lý ngay vụ án. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đình chỉ vụ án và trả lại đơn kiện. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên toà xét xử. Bản án, quyết định đình chỉ

vụ án giải quyết khiếu kiện về danh sách cử tri có hiệu lực thi hành ngay. Đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có quyền kháng nghị. Tòa án phải gửi ngay bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Câu 98. Cách thức ghi số Thẻ cử tri theo danh sách cử tri?

Trả lời:

Căn cứ vào Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (tại Mẫu số 10/HĐBC và Mẫu số 31/HĐBC), thì trong danh sách cử tri lập theo từng khu vực bỏ phiếu, họ và tên cử tri xếp theo hộ gia đình hoặc theo tổ chức, đơn vị nơi cử tri đăng ký tham gia bỏ phiếu (ví dụ bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đơn vị vũ trang nhân dân,...). Trường hợp danh sách lập theo hộ gia đình thì tên chủ hộ xếp lên đầu; các hộ xếp theo thứ tự từ đầu xóm đến cuối xóm (ở nông thôn), từ đầu phố đến cuối phố (ở thành thị) hoặc theo một thứ tự thích hợp với đặc điểm của địa phương. Số Thẻ cử tri được ghi theo số thứ tự tương ứng trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

Câu 99. Việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay chữ thường?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia không quy định cụ thể việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay in thường. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế địa phương có thể hướng dẫn ghi họ và tên cử tri trong Thẻ cử tri và danh sách cử tri bằng chữ in hoa hoặc chữ in thường, nhưng phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Phần thứ tư

VIỆC ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Câu 100. Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?

Trả lời:

Người được giới thiệu ứng cử là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan lực lượng vũ trang hoặc người lao động tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc thành viên tiêu biểu của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người của thôn, tổ dân phố bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và được các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc thôn, tổ dân phố (đối với ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã) lựa chọn theo thủ tục nhất định để giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Người tự ứng cử là người tự thấy mình có đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội hay đủ tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, có nguyện vọng ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 101. Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?

Trả lời:

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo quy định của các luật nói trên thì đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí,

tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm;

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội, hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

Người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- (1) Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu;

- (2) Có uy tín, năng lực trong thực hiện và tuyên truyền, vận động có hiệu quả quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

(3) Có tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước;

(4) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch, không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “*lợi ích nhóm*”... Không để vợ, chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi;

(5) Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có khả năng tư duy, phân tích, tổng hợp, đề xuất xây dựng chính sách pháp luật khả thi, hiệu quả; giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật tại địa phương, đơn vị, nơi ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, dám hy sinh vì lợi ích chung, vì nước, vì dân; có thành tích, kết quả công tác và “*sản phẩm*” cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao;

(6) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; có trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

Không giới thiệu, đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị điều tra, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết. Cán bộ có vi phạm khuyết điểm hoặc bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2021-2026; cán bộ có người thân vi phạm pháp luật thực hiện theo Kết luận số 165-KL/TW ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị về định hướng thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị thi hành kỷ luật; cán bộ có người thân vi phạm pháp luật. Đối với những trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị, thực hiện theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Quan tâm, giới thiệu chuyên gia đầu ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ cao; luật gia giỏi có uy tín, am hiểu sâu về pháp luật quốc tế; doanh nhân xuất sắc, tâm huyết với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân.

Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, người được giới thiệu ứng cử để làm làm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách còn cần đáp ứng thêm một số tiêu chuẩn cao hơn về trình độ chuyên môn, vị trí công tác đang đảm nhiệm, về tình hình sức khỏe và độ tuổi ứng cử, tái cử (nêu cụ thể tại Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương).

Câu 102. Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?

Trả lời:

Những người không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có:

- Người chưa đủ 21 tuổi;
- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị khởi tố bị can;
- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án;
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích;

- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, đặc khu.

Câu 103. Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”?

Trả lời:

Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định một trong các tiêu chuẩn đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là: “Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”. Theo đó, căn cứ vào Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2025, người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam được xác định theo các căn cứ quy định tại Chương II của Luật này. Người có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam phải là người không đồng thời có quốc tịch của một quốc gia khác. Về nguyên tắc, người đang có quốc tịch nước ngoài, người có nguyện vọng và đang thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch của quốc gia khác đều không đủ điều kiện để ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Do đó, trong phần khai về quốc tịch trong đơn ứng cử và các tài liệu khác trong hồ sơ ứng cử, Hội đồng bầu cử quốc gia đã hướng dẫn người ứng cử cần ghi rõ: “Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời

gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”. Người ứng cử phải cam đoan về các nội dung mình đã khai. Nếu phát hiện thông tin không đúng sự thật, không như nội dung đã kê khai thì người ứng cử phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và tùy theo nội dung, mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi danh sách người ứng cử; nếu đã trúng cử thì sẽ không được công nhận tư cách đại biểu hoặc bị bãi nhiệm đại biểu.

Câu 104. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không?

Trả lời:

Công dân được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở 02 cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu đã nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp thêm hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở 01 cấp nữa.

Câu 105. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?

Trả lời:

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử hay khu vực bỏ phiếu nơi

mình có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử; nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử thì người ứng cử phải rút ra khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó kể từ ngày được ghi tên vào danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử.

Câu 106. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì?

Trả lời:

Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm:

- Đơn ứng cử;
- Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú;
- Tiểu sử tóm tắt;
- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử;
- Mỗi bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử có 02 ảnh chân dung màu, nền trắng cỡ cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt). Ảnh chân dung của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ

quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú.

Người ứng cử thực hiện việc kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo hướng dẫn đối với các mẫu văn bản sử dụng trong hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBC của Hội đồng bầu cử quốc gia. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

Câu 107. Người ứng cử có phải nộp giấy khám sức khỏe để chứng minh mình đáp ứng tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hay không?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong hồ sơ ứng cử không bao gồm giấy khám sức khỏe. Trong hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia ở các mẫu Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt của người ứng cử (các mẫu số 02, 03/HĐBC-QH và 06, 07/HĐBC-HĐND) đều có các mục kê khai thể hiện cụ thể các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (trong đó có mục “Tình trạng sức khỏe”) để người ứng cử tự kê khai và cam kết chịu trách nhiệm trước

pháp luật về những nội dung mình đã kê khai trong hồ sơ ứng cử. Do đó, khi nộp hồ sơ ứng cử, người ứng cử (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) không phải nộp kèm theo giấy khám sức khỏe.

Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ban Tổ chức trung ương có nêu yêu cầu về tiêu chuẩn sức khỏe để áp dụng riêng đối với các trường hợp được giới thiệu ứng cử để làm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Theo đó, người được giới thiệu ứng cử phải được cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 3 năm 2026, cụ thể là đối với cán bộ ở các cơ quan Trung ương do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, xác định cơ sở y tế khám sức khỏe; đối với cán bộ ở địa phương do Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, xác định cơ sở y tế khám sức khỏe. Kết quả khám sức khỏe này sẽ làm căn cứ cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng trong quá trình xem xét, lựa chọn nhân sự, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để hoạt động chuyên trách tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ 2026 - 2031. Khi đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị thống nhất giới thiệu ra ứng cử thì người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc lập và nộp hồ sơ với các thành phần tài liệu theo đúng quy định

tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 108. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm 2026 (42 ngày trước ngày bầu cử), người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử.

Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như sau:

- Người được tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

- Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp đó.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi nộp hồ sơ ứng cử cần kê khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo công khai về địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Thời gian nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, ***bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 01 tháng 02 năm 2026.***

Riêng thứ Bảy, ngày 31 tháng 01 năm 2026 và Chủ nhật, ngày 01 tháng 02 năm 2026, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

Người được phân công tiếp nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền

thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ ứng cử.

Câu 109. Việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Đối với hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội:

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố chuyển 01 bộ hồ sơ

ứng cử của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia và chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt, bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

2. Đối với hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân:

Ủy ban bầu cử ở cấp nào thì có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ủy ban bầu cử chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.

Câu 110. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026 (21 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba kèm theo danh sách những người đủ tiêu chuẩn được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Căn cứ vào danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, Hội đồng bầu cử quốc gia gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố danh sách và 01 bộ hồ sơ của người do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu ứng cử được dự kiến về ứng cử tại địa phương để Ủy ban bầu cử dự kiến danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử trên địa bàn tỉnh, thành phố và gửi danh sách này đến Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, quyết định việc lập danh sách

chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử.

Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố và dự kiến bố trí người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử do các địa phương gửi đến, Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước **chậm nhất là ngày 26 tháng 02 năm 2026** (17 ngày trước ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố phải công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương mình theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia **chậm nhất là ngày 27 tháng 02 năm 2026** (16 ngày trước ngày bầu cử); đồng thời, các Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết ngay danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở khu vực bỏ phiếu mà mình phụ trách kèm theo tiêu sử tóm tắt của từng người đề cử tri nắm được thông tin.

Câu 111. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026 (21 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình đến Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở từng đơn vị hành chính lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình theo từng đơn vị bầu cử **chậm nhất là ngày 26 tháng 02 năm 2026** (17 ngày trước ngày bầu cử).

Trên cơ sở quyết định của các Ủy ban bầu cử, Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết ngay danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu mà mình phụ trách kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người **chậm nhất là ngày 27 tháng 02 năm 2026** (16 ngày trước ngày bầu cử) để cử tri nắm được thông tin.

Như vậy, trên cơ sở danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương gửi đến, Ủy ban bầu cử các cấp phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử. Khi chuyển danh sách cho Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phải bảo đảm những người trong danh sách đã đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại

biểu Hội đồng nhân dân, làm cơ sở cho Ủy ban bầu cử lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Ủy ban bầu cử không có thẩm quyền loại bớt người đã có tên trong danh sách hoặc bổ sung người không có tên trong danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuyển đến, trừ trường hợp phát hiện ra người ứng cử thuộc đối tượng bị xóa tên do không đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu hoặc trường hợp người ứng cử chết hay vì lý do khác không thể tiếp tục ứng cử được nữa.

Câu 112. Yêu cầu đối với việc lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, quê quán, nơi ở hiện nay, trình độ, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác của người ứng cử và một số thông tin bổ sung khác (như ngày vào Đảng, là đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa nào chưa...). Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Tổ chức phụ trách bầu cử cần ghi đúng họ và tên đã khai trong hồ sơ của người ứng cử. Trường hợp họ và tên

khai sinh của người ứng cử khác với họ và tên thường dùng hoặc người ứng cử có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo thì tại phần ghi họ và tên người ứng cử trong danh sách người ứng cử, họ và tên khai sinh được viết trước, họ và tên thường dùng hoặc chức vị, pháp danh theo tôn giáo viết sau và được đặt trong dấu ngoặc đơn; không cần ghi bí danh hoặc các tên gọi khác chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp hoặc đã lâu không còn sử dụng. Ví dụ: người ứng cử có tên thường dùng là Nguyễn Văn, tên khai sinh là Nguyễn Văn A thì tên ghi trong danh sách người ứng cử là: Ông NGUYỄN VĂN A (NGUYỄN VĂN); hoặc người ứng cử là chức sắc tôn giáo có tên khai sinh là Nguyễn Văn A, chức vị và pháp danh trong tôn giáo là Hòa thượng Thích Thanh A hoặc Linh mục Nguyễn Văn A thì ghi tên người ứng cử là Ông NGUYỄN VĂN A (HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A) hoặc Ông NGUYỄN VĂN A (LINH MỤC NGUYỄN VĂN A). Trong các trường hợp này, việc ghi họ, tên người ứng cử trên danh sách người ứng cử hoặc trên phiếu bầu cử có thể viết liên tục trong một dòng hoặc thể hiện thành hai dòng liền nhau nhưng phải có cùng kiểu chữ, cỡ chữ như họ và tên của những người ứng cử khác trong cùng danh sách.

Trường hợp họ và tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có

ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước. Tuy nhiên, các Ủy ban bầu cử cần lưu ý không bố trí, sắp xếp 02 người ứng cử có họ và tên trùng nhau trong danh sách những người ứng cử ở cùng một đơn vị bầu cử để tránh gây nhầm lẫn cho cử tri.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội chỉ được ghi tên vào danh sách chính thức những người ứng cử ở một đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì cũng chỉ được ghi tên vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở một đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng trên địa bàn đơn vị hành chính đó.

Câu 113. Số người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải đáp ứng yêu cầu nào?

Trả lời:

Số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội phải nhiều hơn số đại biểu Quốc hội được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó ít nhất là 02 người.

Số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp phải nhiều hơn số

lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu 03 đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là 02 người; nếu đơn vị bầu cử được bầu 04 hoặc 05 đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là 03 người. Trường hợp đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được ấn định bầu 01 hoặc 02 đại biểu thì số người ứng cử chỉ cần nhiều hơn số đại biểu được bầu ít nhất là 01 người.

Hội đồng bầu cử quốc gia sẽ xem xét, quyết định trong trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử vì lý do bất khả kháng và hướng dẫn đề Ủy ban bầu cử các cấp xem xét, quyết định đối với trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử vì lý do bất khả kháng.

Câu 114. Việc xử lý trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Đối với cuộc bầu cử năm 2021, Hội đồng bầu cử quốc gia đã có hướng dẫn như sau⁸:

- Trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được hiểu là sau khi Ủy

⁸ Nghị quyết số 160/NQ-HĐBCQG ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia.

ban bầu cử công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử mà người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng (chết, bị xóa tên khỏi danh sách chính thức những người ứng cử...) không thể tiếp tục ứng cử theo quy định của pháp luật dẫn đến số lượng người ứng cử tại đơn vị bầu cử ít hơn so với số đã được công bố.

▪ Nếu khuyết người ứng cử trong thời gian từ sau khi Ủy ban bầu cử công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử đến trước ngày danh sách này được niêm yết, thì Ủy ban bầu cử sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định theo một trong các hình thức sau đây:

- Quyết định giữ nguyên danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại khi số dư người ứng cử vẫn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Quyết định bổ sung người có số phiếu tín nhiệm cao nhất và đạt trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm trong số những người còn lại trong danh sách những người ứng cử được xem xét tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba vào danh sách chính thức những người ứng cử khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Số dư người ứng cử ở đơn vị bầu cử không đảm bảo theo quy định của pháp luật;

+ Trong danh sách hiệp thương lần thứ ba còn có người ứng cử đạt trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm trở lên;

+ Thời gian để bổ sung phải còn ít nhất là 02 ngày tính đến ngày niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử.

- Quyết định giảm số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị bầu cử để đảm bảo số dư theo quy định của pháp luật nếu không đáp ứng được một trong các điều kiện nói trên.

▪ Nếu khuyết người ứng cử trong thời gian từ sau khi danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được niêm yết cho đến ngày bầu cử, thì Ủy ban bầu cử sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định theo một trong các hình thức sau đây:

- Quyết định giữ nguyên danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại khi số người ứng cử vẫn nhiều hơn số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử đó (ít nhất là 01 người).

- Quyết định giảm số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị bầu cử để đảm bảo số người ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử đó ít nhất là 01 người.

Quyết định của Ủy ban bầu cử phải được báo cáo ngay đến Ủy ban bầu cử ở cấp trên trực tiếp (đối với

trường hợp khuyết người ứng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã) hoặc đến Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với trường hợp khuyết người ứng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Câu 115. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố hoặc Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì

được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

- Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền.

Không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo không có họ, tên người tố cáo hoặc mạo danh người khác để tố cáo.

Câu 116. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp từ sau khi nộp hồ sơ ứng cử đến trước khi công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà người ứng cử có sự thay đổi một số thông tin trong hồ sơ ứng cử đã nộp như nơi ở, nghề nghiệp hoặc trình độ, các hình thức khen thưởng... mà không ảnh hưởng đến tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, thì Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc Ủy ban bầu cử nơi đã nhận hồ sơ ứng cử hướng dẫn người ứng cử làm văn bản gửi Ủy ban bầu cử đề nghị đính chính, ghi rõ những thay đổi trong hồ sơ và cam đoan việc đính chính là đúng sự thật, nếu sai thì người ứng cử phải chịu hoàn toàn

trách nhiệm trước pháp luật. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội đã nộp hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố thì sau khi nhận được văn bản đề nghị đính chính của người ứng cử, Ủy ban bầu cử cần báo cáo ngay bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia về việc đính chính hồ sơ của người ứng cử kèm theo văn bản, tài liệu đính chính mà người ứng cử đại biểu đã nộp trước đó để thực hiện việc đính chính.

Trường hợp sau khi danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử đã được công bố và niêm yết thì không thực hiện việc đính chính và in lại danh sách và tiêu sử tóm tắt những người ứng cử để thay thế cho nội dung đã công bố, niêm yết nữa, song Ủy ban bầu cử cần cập nhật thông tin vào danh sách khi công bố kết quả bầu cử; trường hợp nội dung đính chính liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội thì cần cần báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia để thống nhất trong việc cập nhật và công bố thông tin.

Câu 117. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là ***từ ngày 05 tháng 3 năm 2026 trở đi***), Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải

quyết mọi khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở cấp xã chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Câu 118. Các trường hợp nào bị xóa tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?

Trả lời:

Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực

hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ

Câu 119. Việc tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử gồm những bước, công đoạn nào?

Trả lời:

Tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là một giai đoạn hết sức quan trọng trong quá trình tổ chức bầu cử. Việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử được tiến hành thông qua 05 bước cụ thể như sau:

Bước 1: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử;

Bước 2: Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (bao gồm việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người được giới thiệu ứng cử);

Bước 3: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai để thỏa thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

Bước 4: Tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri ở nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và ở nơi công tác hoặc làm việc (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

Bước 5: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 120. Hội nghị hiệp thương là gì? Do cơ quan, tổ chức nào triệu tập và chủ trì?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương là hội nghị giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên được tiến hành ở trung ương và ở địa phương để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp cũng như việc lập danh sách sơ bộ và lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Hội nghị hiệp thương ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì; hội nghị hiệp thương ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi

cấp triệu tập và chủ trì để thực hiện công việc của hội nghị hiệp thương ở cấp mình.

Để đảm bảo dân chủ và lựa chọn được những người tiêu biểu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hội nghị hiệp thương sẽ được tiến hành ba lần: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; hội nghị hiệp thương lần thứ hai; hội nghị hiệp thương lần thứ ba.

Câu 121. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025*** (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải

ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 122. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025*** (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình bày dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc

gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Câu 123. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập và chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025*** (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tổ chức hiệp thương trên cơ sở dự kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trình bày dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã).

- Hội nghị thảo luận để thỏa thuận cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBHDND-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp xã được gửi ngay đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 124. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội như thế nào?

Trả lời:

Sau khi nhận được biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi đến, căn cứ vào kết quả hội nghị hiệp thương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương

được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội **chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025** (90 ngày trước ngày bầu cử). Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Mục đích của việc điều chỉnh là nhằm bảo đảm cơ cấu, thành phần, số lượng chung của đại biểu Quốc hội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Lần điều chỉnh này là cơ sở để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 125. Việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được quy định như thế nào?

Trả lời:

Sau khi nhận được biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương gửi đến, căn cứ vào kết quả hội nghị hiệp thương, **chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025** (90 ngày trước ngày bầu cử), Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương để làm cơ sở thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp.

Câu 126. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định.

Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức,

đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian ***từ ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 01 năm 2026.***

Người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở đơn vị hành chính đó.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

1. Tổ chức họp Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử.

2. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

3. Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử, Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử.

Việc giới thiệu người của thôn, tổ dân phố để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào kết quả của hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn,

giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 127. Cuộc họp Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đề cử kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Cuộc họp Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đề cử kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Ban lãnh đạo cơ quan đối với cơ quan nhà nước; Ban lãnh đạo tổ chức, đơn vị đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và Ban chấp hành Công đoàn tổ chức, đơn vị (nếu có); Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Ban lãnh đạo được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Quốc

hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử.

- Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc.

- Thông qua biên bản cuộc họp (theo Mẫu số 02/BCĐBQH-MT đối với giới thiệu người ứng đại biểu Quốc hội hoặc Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT đối với giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

Câu 128. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến nhận xét và bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

Việc triệu tập và chủ trì hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:

- Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị. Đối với người ứng cử đang là cán bộ làm công tác Đảng chuyên trách tại Đảng ủy Quốc hội thì thực hiện theo quy định dưới đây;

- Người ứng cử đang là Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội; đang công tác tại Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; đang công tác tại Văn phòng Quốc hội; đang làm công tác Đảng chuyên trách tại Đảng ủy Quốc hội thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, chỉ đạo Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Quốc hội triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang là Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, đang công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Chủ tịch nước triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang là Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Chính phủ triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác của Nhà nước thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đang công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập và chủ trì hội nghị.

Người ứng cử đang công tác tại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi làm việc do người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn (nếu có) triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại các đơn vị vũ trang nhân dân thì việc tổ chức hội nghị quân nhân để lấy ý kiến do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn (nếu có) triệu tập và chủ trì hội nghị.

Hình thức tổ chức hội nghị và thành phần được mời tham dự hội nghị được quy định như sau:

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn (nếu có) phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

- Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

Trình tự tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc được thực hiện tương tự như đối với hội nghị cử

tri nơi cư trú và được quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo số lượng đã được phân bổ thì Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đã thông báo về việc phân bổ chỉ tiêu giới thiệu người ứng cử đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tương ứng điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trường hợp người được đưa ra lấy ý kiến là người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (nếu có) được tổ chức sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai. Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (nếu có) đối với người tự ứng cử phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (nếu ứng cử đại biểu Quốc hội), Ban Thường trực Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (nếu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Câu 129. Hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Thành phần tham dự hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định như sau:

- Đối với tổ chức chính trị, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch, người đứng đầu của tổ chức thành viên (trường hợp không có tổ chức thành viên thì mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc) hoặc Ban Thường vụ, Ban Thường trực (đối với tổ chức không có Đoàn Chủ tịch) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của tổ chức giới thiệu.

- Đối với cơ quan nhà nước, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản (theo Mẫu số 06/BBKPHN).

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBQH-MT và Mẫu số 04/BCĐBQH-MT).

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường

trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia thì biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được gửi qua hệ thống này.

Câu 130. Hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Thành phần tham dự hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định như sau:

- Đối với tổ chức chính trị, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.
- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị

gồm Đoàn Chủ tịch, người đứng đầu của tổ chức thành viên (trường hợp không có tổ chức thành viên thì mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc) hoặc Ban Thường vụ, Ban Thường trực (đối với tổ chức không có Đoàn Chủ tịch) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của tổ chức giới thiệu.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phần dự hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân và đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã, thành phần dự hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân và đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân.

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan khác của Nhà nước, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có).

- Đối với tổ chức kinh tế, thành phần dự hội nghị gồm Ban lãnh đạo, người đứng đầu các phòng, ban, phân xưởng, trạm, trại và đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có).

- Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05

người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản (theo Mẫu số 06/BBKPHN).

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT).

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội nghị Ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Câu 131. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể hợp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

Trưởng Ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì hội nghị gồm toàn bộ thành viên của Ban công tác Mặt trận để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Trình tự tổ chức hội nghị dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện như sau:

- Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Trưởng Ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Hội nghị thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Trưởng Ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận hội nghị.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 03/HNMT).

2. Trên cơ sở kết quả của hội nghị này, Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị. Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được mời tham dự hội nghị này.

Trình tự tổ chức hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt.

- Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần người của

thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét.

- Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử.

- Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 05 đến 15 thành viên.

- Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu lấy ý kiến của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu lấy ý kiến ghi rõ họ và tên người ứng cử (theo Mẫu số 08/PLYK).

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định.

- Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP). Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT).

Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ban công tác Mặt trận chuyển biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố về việc thảo luận, giới thiệu người ứng

cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Câu 132. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì ***trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026*** (chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được thực hiện như sau:

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử

của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội; (2) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến; (5) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan,

tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu ứng cử; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi biên bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 133. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026*** (chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tình hình người tự ứng cử ở địa phương (nếu có). Danh sách giới thiệu người ứng cử trình ra hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội; (2) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến; (5) Ý kiến

nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử và kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú, nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

- Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Câu 134. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026*** (chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai để giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), tình hình người tự ứng cử (nếu có). Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân; (2) Kết quả điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến; (5) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi tổ chức hội nghị hiệp

thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHDND-MT và Mẫu số 05/BCĐB HDND-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản và danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi biên bản và danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 135. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

1. Hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến nhận xét và bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống. Trường hợp người ứng cử cư trú tại nhà chung cư chưa có tổ dân phố thì tổ chức hội nghị cử tri tại nhà chung cư nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện ***trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026*** (từ sau khi kết thúc hội nghị hiệp thương lần thứ hai đến trước khi bắt đầu hội nghị hiệp thương lần thứ ba).

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ

chức, đơn vị có người ứng cử đề hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương chủ trì cuộc họp với thành phần gồm người phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp, đối với cấp xã mời Trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cư trú đề hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có tên trong danh sách sơ bộ; hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri đến

dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại nhà chung cư chưa có tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Ban quản trị nhà chung cư (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà chung cư hoặc cụm nhà chung cư đến dự hội nghị.

Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại nhà chung cư chưa có Tổ dân phố, chưa có Ban công tác Mặt trận thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và Ban quản trị nhà chung cư (nếu có) chủ trì hội nghị.

Hình thức tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú và thành phần được mời tham dự hội nghị được thực hiện như sau:

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị.

- Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 2

của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.

Trình tự tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú được thực hiện tương tự như đối với hội nghị cử tri nơi công tác, cụ thể như sau:

- Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

- + Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị;
- + Giới thiệu Thư ký hội nghị đề hội nghị quyết định;
- + Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

+ Giới thiệu danh sách người ứng cử;

+ Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội), tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại

Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thư ký hội nghị đọc tiêu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

- Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

- Người ứng cử phát biểu.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

- Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 05 đến 15 thành viên.

- Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu lấy ý kiến của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành Công đoàn (nếu có); phiếu lấy ý kiến của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu lấy ý kiến ghi rõ họ và tên người ứng cử (theo Mẫu số 07/PLYK).

- Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP). Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (hội nghị cử tri nơi cư trú theo Mẫu số 02/HNCT; hội nghị cử tri bằng hình thức trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến theo Mẫu số 05/HNCT). Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Câu 136. Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình lấy ý kiến cử tri nơi cư trú (đối với tất cả những người được giới thiệu ứng cử) và lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (nếu có) (đối với những người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã), nếu phát sinh các vấn đề, vụ việc mà cử tri nêu ra cần phải được kiểm tra, xác minh thì việc xác minh và trả lời về các vụ việc do cử tri nêu được thực hiện như sau:

- Đối với vụ việc ở nơi công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

Trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ

chức, đơn vị không có cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời.

- Đối với vụ việc ở khu dân cư thì cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ủy ban bầu cử có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Chậm nhất là ngày 08 tháng 02 năm 2026 (35 ngày trước ngày bầu cử và trước khi tiến hành hội nghị hiệp thương lần thứ ba), việc xác minh và trả lời về các vụ việc

mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải được tiến hành xong.

Câu 137. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội là nhằm bảo đảm cơ cấu, thành phần người được giới thiệu đáp ứng được yêu cầu mà luật đã quy định (về số người ứng cử là người dân tộc thiểu số, là phụ nữ), bảo đảm tỷ lệ cân đối người ứng cử là người trẻ tuổi, người ngoài Đảng, người đại diện cho các cơ quan, tổ chức ở trung ương với địa phương, người đại diện cho các cơ cấu ngành nghề trong xã hội... và phù hợp với tình hình thực tế, số lượng, chất lượng của người ứng cử trong cuộc bầu cử này.

Do đó, sau khi nhận được biên bản của hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương và địa phương về danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam tỉnh, thành phố gửi đến và căn cứ vào kết quả hội nghị hiệp thương lần thứ hai, **chậm nhất là ngày 05 tháng 02 năm 2026** (38 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 138. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì **trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026** (chậm nhất là 23 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương được thực hiện như sau:

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026 (21 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 139. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì ***trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026*** (chậm nhất là 23 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Chậm nhất là ngày 22 tháng 2 năm 2026 (21 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương cùng danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Câu 140. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?

Trả lời:

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở cấp tỉnh, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì ***trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026*** (chậm nhất là 23 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba để giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có

vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHNĐN-MT và Mẫu số 05/BCĐBHNĐN-MT).

Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026 (21 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 141. Sau khi đã hết thời hạn tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai thì có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để đưa ra hội nghị hiệp thương lần thứ ba được không?

Trả lời:

Ngày 01 tháng 02 năm 2026 (42 ngày trước ngày bầu cử) là thời hạn cuối cùng để công dân hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử).

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử phải tổ chức xong hội nghị hiệp thương lần thứ hai. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ cấu thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lần thứ nhất để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú; đối với người tự ứng cử thì còn được gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi người đó làm việc (nếu có). Do đó, khi thời hạn tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai đã hết thì không thể còn thời gian để nộp bổ sung hồ sơ ứng cử mới được nữa. Bởi vậy, việc bổ sung người ứng cử vào danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau ngày 01 tháng 02 năm 2026 là không thể thực hiện được.

Phần thứ sáu

TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

Câu 142. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được phân công cụ thể như sau:

- Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử trong phạm vi cả nước; Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử ở địa phương.

- Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và việc vận động bầu cử ở địa phương.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình.

Câu 143. Việc tổ chức tuyên truyền về cuộc bầu cử nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 có các mục đích sau đây:

- Tuyên truyền sâu rộng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng, sự

đồng thuận trong xã hội để tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới đất nước.

- Thông qua công tác tuyên truyền, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị tham gia xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; góp phần tích cực xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh thi đua yêu nước, học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, tạo ra nhiều của cải, vật chất cho xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng và đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới phồn vinh, thịnh vượng.

Câu 144. Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử cần tập trung vào các nội dung nào?

Trả lời:

Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 cần tập trung vào các nội dung sau đây:

1. Tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; phân tích làm rõ cuộc bầu cử diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vừa kết thúc thành công tốt đẹp, thực hiện thành công cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng “tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi mặt của đất nước sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

2. Tuyên truyền quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cuộc bầu cử, đặc biệt các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan chức năng⁹;

⁹ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về Lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu

chú trọng thông tin về đổi mới tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm

cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI; Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách; Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung; Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp; Kế hoạch số 249-KH/UBKTTW ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tăng cường nắm tình hình, giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp gắn với công tác tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031...

phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với quy định của Hiến pháp; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật¹⁰, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập quốc tế. Nhấn mạnh làm rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ gắn với sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng về công tác cán bộ; gắn kết quả nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đại hội XIV của Đảng và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị giới thiệu nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Phân tích làm rõ việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm đúng quy trình của pháp luật, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền.

3. Tuyên truyền tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cụ thể:

- Về tiêu chuẩn: Lựa chọn, giới thiệu những người tiêu biểu, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn, có năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; không đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị,

¹⁰ Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội. Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

tham vọng quyền lợi, bảo thủ, tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương; các đối tượng đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Về cơ cấu số lượng đại biểu bảo đảm hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc; tăng số lượng đại biểu chuyên trách, bảo đảm tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ và người dân tộc thiểu số theo đúng quy định của Luật bầu cử; có tỷ lệ hợp lý đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc xử lý tốt mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển.

- Đề cao tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, để bảo đảm Quốc hội thực sự cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

4. Tuyên truyền quá trình triển khai cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, tổ chức tốt bầu cử, nhất là những địa bàn bầu cử

ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo,... đồng thời phát hiện những bất cập, hạn chế, kịp thời đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Đề cao tinh thần trách nhiệm, công tác phối hợp của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị chức năng, cử tri cả nước góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử. Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và không khí dân chủ, đúng pháp luật trong bầu cử, đặc biệt ý thức tự giác, trách nhiệm của cử tri đi bầu cử.

5. Tiếp tục tuyên truyền những thành tựu, kết quả to lớn mà Quốc hội đã đạt được trong 80 năm qua; vai trò, đóng góp của các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp qua các nhiệm kỳ; khẳng định, làm rõ những bước tiến trong đổi mới và tổ chức hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là trong công tác lập pháp, giám sát tối cao, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, quyết định những vấn đề lớn của đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế trong 40 năm qua.

6. Tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động chào mừng hướng đến Ngày bầu cử, không khí phấn khởi, dân chủ của Ngày bầu cử. Chủ động đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, xuyên tạc phá hoại cuộc bầu cử của thế lực thù địch, lợi dụng bầu cử để kích động, gây rối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Câu 145. Các khẩu hiệu nào cần được tập trung sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031?

Trả lời:

Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, các cơ quan, tổ chức, địa phương cần tập trung sử dụng các khẩu hiệu tuyên truyền sau đây:

1. Nhiệt liệt chào mừng Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!

2. Ngày 15-3-2026, cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!

3. Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là Ngày hội của toàn dân!

4. Ngày bầu cử là Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc!

5. Ngày bầu cử - Ngày hội của niềm tin, đoàn kết và khát vọng Việt Nam!

6. Bầu cử góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh!

7. Bầu cử để chọn người có tâm, có tầm, tận tụy phục vụ Nhân dân!

8. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thông qua bầu cử dân chủ, công khai, minh bạch!

9. Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là quyền lợi, nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân!

10. Sáng suốt lựa chọn người xứng đáng đại diện cho Nhân dân!

11. Cử tri cả nước tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!

12. Mỗi lá phiếu là một niềm tin, một trách nhiệm đối với Tổ quốc!

13. Sáng suốt lựa chọn những người đủ đức, đủ tài vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân!

14. Cử tri cả nước đồng lòng bầu cử, chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh!

15. Toàn dân tham gia bầu cử để góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh!

16. Mỗi lá phiếu góp phần đưa đất nước phát triển hùng cường, thịnh vượng!

17. Quốc hội Việt Nam - Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam!

18. Quốc hội là biểu tượng sức mạnh tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam!

19. Quốc hội khóa XVI – hiện thân của trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của Nhân dân!

20. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua lập thành tích chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!

21. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

22. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

23. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Câu 146. Các mốc thời gian cần tập trung cho công tác thông tin, tuyên truyền là như thế nào?

Trả lời:

Công tác tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tiến hành từ tháng 11 năm 2025, cao điểm từ tháng 02 năm 2026 đến ngày bầu cử 15 tháng 3 năm 2026 và sau khi kết thúc bầu cử, công bố kết quả bầu cử, cụ thể:

- Đợt 1: Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025

+ Tập trung tuyên truyền Chỉ thị số 46 - CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội

đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 sau sửa đổi, bổ sung một số điều và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị chức năng, Hội đồng bầu cử quốc gia; cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử, tự ứng cử, tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ 1.

+ Tuyên truyền những hoạt động đổi mới của Quốc hội trong các hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; những thành tựu quan trọng của Quốc hội qua 80 năm và Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đợt 2: Từ tháng 01 đến ngày bầu cử 15 tháng 3 năm 2026

+ Tập trung tuyên truyền đậm nét, tạo cao điểm về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; hội nghị hiệp thương lần thứ 2, thứ 3; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; các nguyên tắc bầu cử, quy trình bầu cử và quyền công dân đi bầu cử.

+ Tuyên truyền bầu không khí phấn khởi, tin tưởng, lạc quan của cử tri cả nước tự giác tham gia đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng

nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tiếp tục khẳng định cuộc bầu cử tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, là Ngày hội của toàn dân (ngày 15/3/2026).

- Đợt 3: Sau ngày bầu cử 15 tháng 3 năm 2026.

Tuyên truyền kết quả thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, khẳng định tinh thần đoàn kết, thống nhất, sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử; Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu 147. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì?

Trả lời:

Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gấp gờ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc tổ chức vận động bầu cử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó;

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Câu 148. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?

Trả lời:

Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử;

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

Câu 149. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?

Trả lời:

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu

cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Việc tiếp xúc cử tri trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến chỉ được thực hiện khi bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.

Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

- Tuyên bố lý do.

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử.

- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm.

- Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Câu 150. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu

làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải, thông tin chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Câu 151. Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào?

Trả lời:

Những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử gồm:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự,

nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác;

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử;

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình;

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri;

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử không được vận động bầu cử cho những người ứng cử. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử nói trên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vận động bầu cử cho những người ứng cử nhằm bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với những người ứng cử.

Phần thứ bảy

**NGÀY BẦU CỬ, NGUYÊN TẮC,
TRÌNH TỰ BỎ PHIẾU, KIỂM PHIẾU
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ**

Câu 152. Ngày bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định ngày bầu cử phải là ngày Chủ nhật và được công bố chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử. Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Căn cứ vào quy định nói trên, Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 quyết định rõ ***Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026.***

Câu 153. Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không?

Trả lời:

Trong ngày bầu cử đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, công bố, việc bỏ phiếu sẽ được bắt đầu từ 07

giờ sáng và thực hiện liên tục cho đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày.

Trường hợp gần đến giờ kết thúc việc bỏ phiếu theo quy định mà vẫn còn cử tri chưa thực hiện xong việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có trách nhiệm thông báo đến các cử tri còn ở trong khu vực phòng bỏ phiếu về việc chuẩn bị kết thúc thời gian bỏ phiếu và đề nghị cử tri khẩn trương hoàn thành việc bỏ phiếu. Tổ bầu cử thực hiện việc đóng hòm phiếu vào đúng thời gian đã quy định, không phụ thuộc vào việc cử tri đã bỏ phiếu hết hay chưa.

Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp chưa hết thời gian bỏ phiếu theo quy định mà đã có 100% người trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử cũng không được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu trước thời điểm 07 giờ tối cùng ngày. Do đó, về nguyên tắc, các Tổ bầu cử, thành viên các Tổ bầu cử có thể vận động, tuyên truyền để cử tri tích cực tham gia bỏ phiếu, thực hiện quyền bầu cử của mình nhưng không

được thúc giục, ép buộc cử tri phải đi bỏ phiếu sớm để kết thúc sớm việc bỏ phiếu.

Câu 154. Việc tổ chức bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu sớm được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Trường hợp phải tổ chức bỏ phiếu sớm cho cử tri do đặc thù như thực hiện nhiệm vụ, công việc trên biển, hải đảo hoặc do các đặc thù khác thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có văn bản báo cáo xin ý kiến đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Ngay sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia có văn bản đồng ý thực hiện việc bỏ phiếu sớm, đề nghị chính quyền địa phương và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có tổ chức bỏ phiếu sớm khẩn trương ban hành kế hoạch, phương án tổ chức việc bỏ phiếu sớm và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử. Các Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu sớm biết về ngày bầu cử sớm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia xác định, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương. Các tổ chức phụ trách bầu cử phải rà soát lại toàn bộ các công việc cần thực hiện trước, trong và sau ngày bầu cử, bảo đảm thời gian hoàn thành đúng quy định của pháp luật.

3. Thời gian bỏ phiếu, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu đối với bầu cử sớm thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và theo quy định của Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ.

4. Việc kiểm phiếu và bảo quản hòm phiếu, phiếu bầu tại khu vực bỏ phiếu sớm thực hiện như sau:

- Trong ngày bầu cử, ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, thực hiện niêm phong theo đúng quy định tại Mục 1 Chương VIII của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ;

- Biên bản kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm phải được Tổ bầu cử niêm phong, gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử sớm. Trường hợp đặc biệt do khoảng cách địa lý cách trở, do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh mà Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm không thể gửi biên bản kết quả kiểm phiếu theo thời hạn nêu trên thì có thể gửi muộn hơn, nhưng chậm nhất là ngày 18 tháng 3 năm 2026 phải gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân,

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề tổng hợp kết quả chung của đơn vị bầu cử;

- Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm phải tiến hành niêm phong phiếu bầu, cho vào hòm phiếu, làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định tại Điều 29 của Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ;

- Không làm lộ lọt kết quả kiểm phiếu ở các khu vực bỏ phiếu sớm để tránh ảnh hưởng đến khu vực bỏ phiếu khác trong cùng đơn vị bầu cử. Các Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi nhận được biên bản kết quả kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm do Tổ bầu cử gửi đến có trách nhiệm bảo quản theo chế độ tài liệu mật và chỉ được mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc bầu cử vào ngày 15 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp quy định dưới đây;

- Trường hợp toàn bộ khu vực bỏ phiếu của một đơn vị bầu cử đều được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bỏ phiếu sớm và đã hoàn thành việc bỏ phiếu sớm thì Ban bầu cử mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 155. Các địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang trí, tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học hoặc các địa điểm thuận lợi khác và căn cứ mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu, khu vực bên trong phòng bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu, tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu. Việc bố trí, trang trí địa điểm bỏ phiếu thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu:

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra - vào khu vực bỏ phiếu.

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu; nơi niêm yết danh sách cử tri, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; nơi tổ chức lễ khai mạc (nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu). Tùy điều kiện cụ thể của từng khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử có thể niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi dễ quan sát để cử tri tham khảo trước khi bỏ phiếu.

Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

(Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 01).

2. Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu:

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu.

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: (1) Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; (2) Vị trí bàn để cử tri viết phiếu bầu; (3) Nơi để hòm phiếu; (4) Bàn đóng

dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; (5) Lỗi ra cho cử tri sau khi đã thực hiện xong việc bỏ phiếu.

- Tại phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi dễ quan sát để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu.

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần bố trí các bàn có các vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm nguyên tắc cử tri “bỏ phiếu kín” theo quy định của pháp luật về bầu cử.

(Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 02).

Câu 156. Các nội dung của Nội quy phòng bỏ phiếu?

Trả lời:

Để cuộc bầu cử đạt kết quả, bảo đảm dân chủ, hợp pháp của cuộc bầu cử và bảo đảm trật tự, an toàn, nhất là trong ngày bỏ phiếu, các tổ chức phụ trách bầu cử và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, khi đến bỏ phiếu, mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu do Hội đồng bầu cử quốc gia quy định.

Nội quy phòng bỏ phiếu được Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu và gồm các nội dung sau đây:

- Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;
- Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;
- Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu; nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại cơ sở vật chất, tài sản, gây rối tại khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;
- Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào;
- Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;
- Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;
- Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;
- Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép, cản trở việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu

hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu 157. Các nội dung của Thẻ lệ bầu cử?

Trả lời:

Để thuận tiện cho cử tri trong quá trình bỏ phiếu, căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử (bao gồm các nội dung hướng dẫn về thẻ lệ bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia tại kỳ bầu cử trước đây) và tình hình cụ thể tại địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động biên soạn thẻ lệ bầu cử để gửi các Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu. Thẻ lệ bầu cử cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và được niêm yết ở khu vực thuận tiện cho cử tri dễ tiếp cận. Thẻ lệ bầu cử có thể gồm một số nội dung cơ bản như sau:

1. Nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày;

- Khi bầu cử, cử tri phải xuất trình Thẻ cử tri;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay. Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Người khuyết tật không thể tự mình bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu;

- Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu đề số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Câu 158. Hòm phiếu để phục vụ công tác bầu cử phải đáp ứng những yêu cầu gì?

Trả lời:

Việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo số lượng cử tri ở khu vực bầu cử, đặc điểm, điều kiện của từng địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Hòm phiếu được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ “HÒM PHIẾU”. Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị các hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

Đối với những khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù riêng như tại các giàn khoan, công trình biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển hoặc các đặc thù

khác, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan và Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù chuẩn bị đầy đủ các hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử để thực hiện tốt việc bỏ phiếu của cử tri.

Câu 159. Hòm phiếu phụ là gì? Trong trường hợp nào thì dùng hòm phiếu phụ?

Trả lời:

Hòm phiếu phụ là hòm phiếu dự phòng và có thể được di chuyển ra khỏi phòng bỏ phiếu. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị dịch bệnh hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến các địa điểm nêu trên để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

Câu 160. Phiếu bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp phải được in riêng từng loại trên 01 mặt trang giấy A5 (21cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy. Màu sắc từng loại phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố lựa chọn nhưng không được trùng màu với các loại Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội hay Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp khác trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái. Trên phiếu phải ghi rõ:

- Tên tỉnh hoặc thành phố (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) hoặc tên xã, phường, đặc khu (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã).

- Khóa của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) hoặc khóa của Hội đồng nhân dân cấp xã (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã).

- Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định cho đơn vị bầu cử đó (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu do Ủy ban bầu cử tương ứng ấn định cho đơn vị bầu cử đó (đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Phần ghi họ tên những người ứng cử tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu đã được công bố. Họ và tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ "Ông" hoặc "Bà" tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Việc tổ chức in ấn Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; việc tổ chức in ấn Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào do Ủy ban nhân dân ở cấp đó thực hiện. Các địa phương căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế, danh sách cử tri của địa phương để quyết định tổng số phiếu bầu cử cần in (bao

gồm cả tỷ lệ phiếu dự phòng cần thiết). Việc in ấn, bàn giao, quản lý phiếu bầu cử phải được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Tại các khu vực bỏ phiếu, trước khi mở hòm phiếu để kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm đếm, thống kê, lập biên bản và niêm phong toàn bộ số phiếu bầu cử chưa sử dụng, số phiếu gạch hồng bị đổi trả lại theo đúng quy định.

Câu 161. Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử được nhận bàn giao các loại tài liệu, vật tư nào để sử dụng trong công tác bầu cử?

Trả lời:

Để sử dụng trong việc thực hiện công tác bầu cử, Tổ bầu cử phân công thành viên nhận các loại tài liệu, vật tư sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử:

1. Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu, về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

3. Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu”.
4. Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử theo quy định.
5. Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.
6. Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại khu vực bỏ phiếu.
7. Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.
8. Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.
9. Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).
10. Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 162. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trước ngày bầu cử là gì?

Trả lời:

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) thực hiện các công việc sau:
 - Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu;

- Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, soạn thảo biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri thực hiện đúng nguyên tắc và trình tự, cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu;

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) đơn đốc, thông báo đề các cử tri đi bỏ phiếu;

- Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

2. Trước ngày bầu cử 10 ngày, Tổ bầu cử phải thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ bầu cử tại khu vực bỏ phiếu, bao gồm:

- Phòng bỏ phiếu;

- Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử;

- Phiếu bầu cử bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu, đúng họ và tên nêu tại danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu;

- Các con dấu của Tổ bầu cử;

- Hòm phiếu chính, các hòm phiếu phụ (nếu có);

- Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử;

- Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử;

- Rà soát danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị

tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly do dịch bệnh (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn để có kế hoạch chuẩn bị phiếu bầu cử và mang hòm phiếu phụ đến cơ sở, địa điểm nêu trên để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Đồng thời, Tổ bầu cử phải có các biện pháp thích hợp như niêm yết, phát thanh, thông báo hoặc gửi thông tin về danh sách chính thức những người ứng cử để các cử tri có đủ thông tin lựa chọn người xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

- Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

3. Quản lý tài liệu, phiếu bầu của Tổ bầu cử: Sau khi nhận được tài liệu, phiếu bầu cử từ Ban bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công cụ thể các thành viên quản lý chặt chẽ tài liệu, phiếu bầu cử, đặc biệt là quản lý chặt chẽ phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải lập sổ quản lý phiếu bầu cử, trong đó theo dõi số phiếu nhận, số phiếu phát, số phiếu thu hồi, số phiếu niêm phong, bảo quản theo quy định. Trường hợp phát hiện tài liệu, phiếu bầu cử bị mất thì Tổ bầu cử phải lập biên bản và báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

Câu 163. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trong ngày bầu cử là gì?

Trả lời:

1. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng và kết thúc vào 07 giờ tối cùng ngày. Căn cứ tình hình thực tế ở địa

phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày. Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải thực hiện lễ khai mạc. Các thành viên Tổ bầu cử phải đến sớm trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian khai mạc đúng giờ quy định. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mới tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

2. Tổ bầu cử tổ chức lễ khai mạc cuộc bầu cử tại khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu, nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu. Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì.

3. Tổ bầu cử tổ chức đề cử tri thực hiện việc bỏ phiếu:

- Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có) có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

- Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ

phiếu và gạch phiếu bầu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều 69 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri viết phiếu bầu bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người viết phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người viết hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật, người già yếu hoặc các trường hợp khác mà không thể bỏ phiếu vào hòm phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý

chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành.

- Tổ bầu cử phải chú ý đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri của cử tri đã bỏ phiếu bầu xong.

- Trong quá trình diễn ra việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử. Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ (trừ các cử tri) vào phòng bỏ phiếu. Không ai được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn, khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.

- Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục

bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

- Việc phát phiếu bầu cho cử tri và tổ chức để cử tri bỏ phiếu đối với trường hợp cử tri đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bầu cử, đồng thời, bảo đảm đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải thực hiện việc khử khuẩn hòm phiếu phụ và mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu theo quy định.

- Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn

định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo quy định tại Điều 73 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

4. Kết thúc việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu: Sau khi đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định thì Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được mở hòm phiếu để kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ.

5. Phân công nhiệm vụ kiểm phiếu cho các thành viên Tổ bầu cử:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành từ 03 nhóm trở lên thì phân công thực hiện như sau: (1) Các

nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội; (2) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (3) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Để việc kiểm phiếu được chính xác, mỗi nhóm nên bố trí 03 người, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu và 01 người kiểm tra việc đọc và ghi.

Đối với các Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành 03 nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cho phù hợp.

- Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Câu 164. Lễ khai mạc cuộc bầu cử được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Khi đến giờ bắt đầu bỏ phiếu theo quy định, Tổ bầu cử phải tổ chức lễ khai mạc cuộc bầu cử tại phòng bỏ phiếu.

Thành phần tham dự lễ khai mạc bao gồm:

- Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử.

- Đại diện cơ quan đảng, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương.

- Đại diện cử tri là người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có); cử tri là người cao tuổi, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cử tri đến dự lễ khai mạc.

- Phóng viên báo, đài (nếu có).

Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì lễ khai mạc theo trình tự sau đây:

- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

- Đọc diễn văn khai mạc.

- Đọc thể lệ bầu cử; nội quy phòng bỏ phiếu.

- Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 02 cử tri không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định.

Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bắt đầu. Tổ bầu cử phải bố trí thành viên Tổ bầu cử thường trực bên hòm phiếu làm nhiệm vụ hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và bảo vệ hòm phiếu.

Câu 165. Trước khi bỏ phiếu, thủ tục kiểm tra hòm phiếu được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri để bảo đảm tính công khai, khách quan và thực hiện nguyên tắc nhân dân kiểm tra. Đây cũng là hình thức để cử tri trực tiếp giám sát cuộc bầu cử.

Đúng giờ bắt đầu bỏ phiếu theo quy định, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu. Sau khi kiểm tra hòm phiếu và xác nhận không có gì ở trong, hòm phiếu được đóng và niêm phong bằng giấy có đóng dấu của Tổ bầu cử, thì cuộc bỏ phiếu mới được bắt đầu.

Câu 166. Nguyên tắc bỏ phiếu được quy định như thế nào?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về nguyên tắc bỏ phiếu như sau:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử;

- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri;

- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Câu 167. Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tắt cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử.

Trường hợp có phiếu bầu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết tất cả hàng chữ họ và

tên của người ứng cử thì được tính là phiếu không bầu cho ứng cử viên đó.

Trường hợp cử tri không gạch cả hàng chữ họ và tên (chỉ gạch họ hoặc gạch tên đệm hoặc tên) của người ứng cử hoặc chỉ khoanh tròn, gạch dưới, gạch trên hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì phiếu đó vẫn được tính là phiếu bầu cho người ứng cử đó.

Trường hợp trong phiếu bầu cử mà người ứng cử vừa có tên khai sinh, vừa có tên thường gọi hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc họ và tên thường gọi (chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu bầu đó được tính là phiếu không bầu cho người ứng cử đó.

Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do viết hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

Câu 168. Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử?

Trả lời:

Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu cử thì được nhờ người khác viết hộ phiếu, nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người viết hộ phiếu phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu cử để cử tri tự mình quyết định. Người viết hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý

muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu cử. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật, người già yếu hoặc các trường hợp khác mà không thể bỏ phiếu vào hòm phiếu thì được nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 169. Thẻ cử tri sau khi công dân đã bỏ phiếu xong thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Sau khi cử tri bỏ phiếu bầu cử xong, thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm nhắc cử tri xuất trình lại Thẻ cử tri và đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên mặt trước của Thẻ cử tri. Cử tri được giữ lại Thẻ cử tri; cử tri không được xuất trình Thẻ cử tri đã đóng dấu “Đã bỏ phiếu” để yêu cầu tham gia bỏ phiếu.

Câu 170. Việc xử lý đối với một số tình huống đặc biệt có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Trường hợp tại địa bàn có dịch bệnh bùng phát, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, theo nguyên tắc địa phương chủ động xây dựng các phương án

tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp dịch bệnh bùng phát dẫn đến không thể tổ chức được việc bỏ phiếu vào đúng ngày bầu cử hoặc đối với địa phương do dịch bệnh phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội hoặc phong tỏa thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động đề xuất, kịp thời báo cáo rõ phương án (thời điểm, cách thức thực hiện việc bỏ phiếu và những công việc khác cần thực hiện) trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

2. Trường hợp tại địa bàn xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn làm địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

3. Trường hợp tình hình an ninh trật tự phức tạp hoặc có nguy cơ cao xảy ra các vấn đề về an ninh trật tự, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho cuộc bầu cử.

4. Trong trường hợp các tình huống phát sinh tại nêu trên đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được hoặc do vượt quá thẩm

quyền hoặc xảy ra sự cố, vấn đề đột xuất ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

Câu 171. Những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu được xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 71 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục trong ngày bầu cử. Trường hợp có những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cho Ban bầu cử biết, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp vì lý do đặc biệt phải hoãn ngày bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử biết để đề nghị Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Câu 172. Việc kiểm phiếu được tiến hành như thế nào? Những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?

Trả lời:

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc (trừ trường hợp quy định

tại khoản 8 Điều 23 của Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ). Chỉ những thành viên Tổ bầu cử mới được tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải hoàn thành việc kiểm phiếu trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc việc bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu. Trình tự tiến hành việc kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, niêm phong phiếu bầu chưa sử dụng và phiếu bầu do cử tri viết hỏng (nếu có), lập biên bản thống kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (theo Mẫu số 32/HĐBC); toàn bộ phiếu bầu chưa sử dụng, phiếu bầu do cử tri viết hỏng sau khi niêm phong được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu.

- Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu; các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm

phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành từ ba nhóm trở lên thì phân công thực hiện như sau: (1) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội; (2) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (3) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Để việc kiểm phiếu được chính xác, mỗi nhóm nên bố trí 03 người, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu và 01 người kiểm tra việc đọc và ghi. Đối với Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành ba nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cho phù hợp. Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

- Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số

phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức bỏ các phiếu bầu vào hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay để Ban bầu cử giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

Tùy đặc thù của từng địa phương mà Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có hướng dẫn quy trình tổ chức kiểm phiếu cho phù hợp. Trường hợp có sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu thì Tổ bầu cử thực hiện quy trình kiểm phiếu theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của địa phương về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu.

Câu 173. Việc tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ

chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu” (Điều 73). Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ đã hướng dẫn việc đăng ký tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại việc kiểm phiếu (tại khoản 6 Điều 24) như sau:

- Người ứng cử xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử xuất trình văn bản phân công, chỉ định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đơn vị và thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; người được ủy nhiệm xuất trình giấy ủy quyền và thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; phóng viên báo chí xuất trình thẻ nhà báo còn hiệu lực và văn bản phân công hoặc giấy giới thiệu của cơ quan báo chí với Tổ trưởng Tổ bầu cử.

- Trong quá trình chứng kiến việc kiểm phiếu, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền khiếu nại, tố cáo tại chỗ với Tổ bầu cử. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Bầu cử.

- Đề cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra thành công tốt đẹp và đúng

quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của người ứng cử và các cá nhân, tổ chức có liên quan, người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm liên hệ trước với Tổ bầu cử về việc tham dự chứng kiến kiểm phiếu; quan sát quá trình Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu từ vị trí đã được Tổ bầu cử bố trí; tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử; bảo đảm an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo với Tổ bầu cử nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm phiếu.

Phóng viên báo chí có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử trong quá trình tác nghiệp; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; đưa tin, bài kịp thời, trung thực, chính xác về quá trình kiểm phiếu bầu cử để góp phần vào công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Phóng viên báo chí nước ngoài có nhu cầu tham dự, đưa tin về hoạt động trong ngày bầu cử tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm, phóng viên báo chí tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu. Bố trí vị trí quan sát, chứng kiến thuận lợi nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm phiếu của Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc kiểm phiếu (nếu có) và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo. Tổ trưởng Tổ bầu cử có quyền yêu cầu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí ra khỏi khu vực kiểm phiếu nếu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí có hành vi vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu, gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tổ bầu cử.

Câu 174. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?

Trả lời:

Phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây:

- Phiếu do Tổ bầu cử phát ra và có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu bầu đủ số lượng đại biểu hoặc bầu ít hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

- Phiếu không ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu không có ghi thêm nội dung khác.

Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu để bảo đảm phiếu bầu cử hợp lệ. Theo các hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tắt cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử.

Trường hợp phiếu bầu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết tất cả hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì được tính là phiếu không bầu cho ứng cử viên đó. Trường hợp cử tri không gạch cả hàng chữ họ và tên (chỉ gạch họ hoặc gạch tên đệm hoặc tên) của người ứng cử hoặc chỉ khoanh tròn, gạch dưới, gạch trên hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì phiếu đó vẫn được tính là phiếu bầu cho người ứng cử đó.

Trường hợp trong phiếu bầu cử mà người ứng cử vừa có tên khai sinh, vừa có tên thường gọi hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc họ và tên thường gọi (chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu bầu đó được tính là phiếu không bầu cho người ứng cử đó.

Câu 175. Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?

Trả lời:

1. Những phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu đề số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Phiếu gạch xóa hết tên của tất cả những người ứng cử; phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Trong quá trình kiểm phiếu, nếu phát hiện có phiếu bầu cử được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên, nội dung ghi trên phiếu bầu.

2. Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét đối với các phiếu bầu được xác định là phiếu bầu không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:

- Phiếu có ghi thêm nội dung khác hoặc bị đánh dấu trên phiếu bầu;

- Phiếu mà việc gạch tên đề lên hàng chữ họ và tên của người ứng cử quá mờ không thể nhận biết rõ ràng;

- Phiếu bị hư, hỏng dẫn đến việc không thể xác định chính xác việc bầu cho những người ứng cử có ghi tên trên phiếu bầu;

- Các trường hợp khác do Tổ trưởng Tổ bầu cử đề xuất.

Câu 176. Việc kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử được Tổ bầu cử thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chỉ thực hiện đối với những phiếu hợp lệ. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 01 đại biểu; loại phiếu bầu 02 đại biểu; loại phiếu bầu 03 đại biểu,...

Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu nêu trên để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử.

Để việc kiểm phiếu được chính xác, Tổ bầu cử phân công ít nhất 03 người kiểm phiếu, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu, 01 người kiểm tra việc đọc và ghi. Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và 01 đường chéo, cứ 05 phiếu tạo thành một hình vuông có 01 đường chéo.

Câu 177. Việc tính và ghi tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được xác định đến số ở hàng thập phân thứ hai (chữ số thứ hai sau dấu thập phân) và được làm tròn số để bảo đảm tổng tỷ lệ phần trăm của các tiêu chí, thành phần là 100%. Nếu chữ số thứ ba sau dấu thập phân là từ 5 trở lên thì được làm tròn lên thêm 01 đơn vị vào chữ số ở hàng thập phân thứ hai. Ví dụ: 22,566% thì được làm tròn thành 22,57%.

Câu 178. Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Nguyên tắc xác định người trúng cử được thực hiện như sau:

- Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai;

- Người trúng cử phải là người ứng cử có số phiếu bầu đạt quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ;

- Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn;

- Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 179. Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản.

Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng.

Câu 180. Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập các loại biên bản sau đây:

(1) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 18/HĐBC-QH);

(2) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 23/HĐBC-HĐND);

(3) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 23/HĐBC-HĐND).

Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử gồm các nội dung sau đây:

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu (theo danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu được cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, thống kê riêng theo tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu ở cấp tương ứng);

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Số phiếu phát ra (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Số phiếu thu vào (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Số phiếu hợp lệ (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Số phiếu không hợp lệ (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Những khiếu nại, tố cáo nhận được; những khiếu nại, tố cáo đã giải quyết và kết quả giải quyết (riêng cho mỗi loại biên bản);

- Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến từng loại Ban bầu cử (*tương ứng với từng loại việc bầu cử cụ thể*).

Việc xác định tỷ lệ phần trăm cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri trong từng loại biên bản phải căn cứ vào số cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp.

Mỗi loại biên bản được lập thành 03 bản, có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và 02 cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên bản được gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ***chậm nhất là ngày 18 tháng 3 năm 2026*** (hoặc 03 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 181. Biên bản xác định kết quả bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại biểu Quốc hội lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 19/HĐBC-QH).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội gồm các nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

- Số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;

- Số phiếu phát ra;

- Số phiếu thu vào;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ);

- Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại đơn vị bầu cử;

- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có);

- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Biên bản xác định kết quả bầu cử bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử được lập thành 03

bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2026** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 182. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 24/HĐBC-HĐND).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;
- Số phiếu phát ra;
- Số phiếu thu vào;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ);
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có);
- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị bầu cử được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường

trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2026** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 183. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 24/HĐBC-HĐND).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Số lượng người ứng cử;
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;

- Số phiếu phát ra;

- Số phiếu thu vào;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*);

- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có);

- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp xã.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở đơn vị bầu cử được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp xã, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã **chậm nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2026** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 184. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở địa phương (theo Mẫu số 20/HĐBC-QH).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố gồm các nội dung sau đây:

- Số lượng đơn vị bầu cử;
- Số lượng người ứng cử;
- Tổng số cử tri của tỉnh, thành phố;
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của địa phương;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*);
- Danh sách những người trúng cử theo từng đơn vị bầu cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*);

- Những khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội đã giải quyết;

- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố đã giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở tỉnh, thành phố được lập thành 04 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ***chậm nhất là ngày 22 tháng 3 năm 2026*** (hoặc 07 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 185. Bầu cử thêm là gì? Việc bầu cử thêm được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong cuộc bầu cử đầu tiên tại một đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó thì Ban bầu cử đại biểu Quốc hội phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có liên quan đề đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định

việc bầu cử thêm đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử đó.

Trong cuộc bầu cử đầu tiên tại một đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp đó nhiệm kỳ 2026 - 2031 chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử này thì Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 7 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên nhưng không trúng cử. Người trúng cử là người được quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bầu cao hơn. Nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai. Đơn vị bầu cử đó được xác định là đơn vị bầu cử thiếu đại biểu (tức là sau khi đã tổ chức bầu cử thêm mà vẫn không bầu được đủ số đại biểu đã được ấn định cho đơn vị bầu cử đó).

Danh sách cử tri của cuộc bầu cử thêm được lập theo danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên.

Câu 186. Bầu cử lại là gì? Việc bầu cử lại được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Bầu cử lại là việc bầu cử được thực hiện ở các đơn vị bầu cử mà tại cuộc bầu cử đầu tiên, số cử tri đi bỏ phiếu tại đơn vị bầu cử chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri hoặc việc bầu cử được thực hiện ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong cuộc bầu cử đầu tiên và kết quả bầu cử bị hủy bỏ theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, căn cứ vào biên bản do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chuyển đến, đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri hoặc kết quả bầu cử lần đầu bị hủy bỏ do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc kết quả bầu cử lần đầu bị Hội đồng bầu cử quốc gia hủy bỏ do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 7 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Danh sách cử tri của cuộc bầu cử lại được lập theo danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên.

Câu 187. Trong trường hợp phải tổ chức bầu cử thêm, bầu cử lại thì thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử cũng như việc móc tính thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố là biên bản duy nhất xác định kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội ở từng đơn vị bầu cử của một tỉnh, thành phố. Do vậy, trong trường hợp trên địa bàn tỉnh, thành phố có những đơn vị bầu cử phải tiến hành bầu cử thêm hoặc đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tiến hành bầu cử lại, thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố chưa lập Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố mình (theo Mẫu số 20/HĐBC-QH) mà khẩn trương có báo cáo bằng

văn bản gửi Hội đồng bầu cử quốc gia đề nghị xem xét, quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại ở đơn vị bầu cử. Nội dung báo cáo cần nêu cụ thể số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri tham gia bỏ phiếu tại địa phương; các đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại; các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm,...

Trường hợp Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định bầu cử thêm, bầu cử lại ở đơn vị bầu cử, thì thời hạn để gửi Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố đến các cơ quan, tổ chức hữu quan vẫn thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng mốc tính thời hạn là kể từ ngày hoàn thành việc bỏ phiếu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh (tức ngày bầu cử lại, ngày bầu cử thêm).

Câu 188. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có),

Hội đồng bầu cử quốc gia lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trong cả nước.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI có các nội dung sau đây:

- Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu;
- Tổng số người ứng cử;
- Tổng số cử tri trong cả nước;
- Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri trong cả nước;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo từng đơn vị bầu cử;
- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết;
- Những khiếu nại, tố cáo do Hội đồng bầu cử quốc gia đã giải quyết.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội được lập thành 05 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia. Biên bản được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và trình Quốc hội khóa mới.

Câu 189. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử ở từng cấp lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà mình chịu trách nhiệm tổ chức (theo Mẫu số 25/HĐBC-HĐND).

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 có các nội dung sau đây:

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của đơn vị hành chính;

- Tổng số người ứng cử;

- Tổng số cử tri của đơn vị hành chính có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng;

- Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị hành chính có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ);

- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ);

- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được lập thành 06 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cấp tỉnh. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 190. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tiến hành vào thời điểm nào?

Trả lời:

Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội **chậm**

nhất là ngày 25 tháng 3 năm 2026 (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 25 tháng 3 năm 2026** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã **chậm nhất là ngày 25 tháng 3 năm 2026** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 191. Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Câu 192. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, kết quả giải quyết khiếu nại, tổ cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XVI cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XVI về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội.

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở cấp mình, kết quả giải quyết khiếu nại, tổ cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 của cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 cho người trúng

cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân.

Trường hợp có đơn thư tố cáo đối với người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có kết luận, kết quả xác minh, trả lời chính thức của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thì Ủy ban bầu cử các cấp vẫn tiến hành việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình căn cứ vào các tài liệu, kết luận hiện có. Các nội dung tố cáo chưa có kết luận hoặc chưa được giải quyết được chuyển cho Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan chức năng đã có kết luận kiểm tra khẳng định người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm và bị xử lý kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên thì Ủy ban bầu cử cần xem xét, đánh giá cụ thể về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Nếu đó là hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân là phải có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Ủy ban bầu cử không công nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người này.

Trường hợp sau khi người trúng cử đã được xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân mà cơ quan chức năng

mới có kết luận khẳng định người này có vi phạm pháp luật, không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới sẽ xem xét, quyết định việc tự mình báo cáo để Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người có vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Câu 193. Thế nào là bầu cử bổ sung? Việc bầu cử bổ sung được thực hiện khi nào?

Trả lời:

Bầu cử bổ sung là việc tổ chức bầu cử trong thời gian giữa nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân để bầu thêm số đại biểu thiếu hụt so với tổng số đại biểu Quốc hội được bầu trong nhiệm kỳ (500 đại biểu) hoặc so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đầu nhiệm kỳ của đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên 10% tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

Việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của

nhệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

- Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Câu 194. Việc niêm phong, quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu theo từng loại phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong đó chia riêng số phiếu bầu hợp lệ, số phiếu bầu không hợp lệ và số phiếu bầu không sử dụng đến, phiếu viết hỏng của cử tri.

Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, lưu trữ theo quy định, việc bàn giao hòm phiếu phải có biên bản giao nhận. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ các loại phiếu bầu, hòm phiếu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý hòm phiếu (bao gồm các loại phiếu bầu) theo quy định của pháp luật về lưu trữ (ít nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong trong hòm phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện việc số hóa hồ sơ, tài liệu bầu cử sau khi tiếp nhận để phục vụ công tác tra cứu, khai thác, sử dụng về sau, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định.

Câu 195. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Các mẫu dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử được thiết kế để dùng lâu dài trong tất cả các cuộc bầu cử nhằm tiết kiệm chi phí. Do đó, sau khi kết thúc cuộc bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm bàn giao con dấu của tổ chức mình cho các cơ quan hành chính nhà nước để

lưu giữ, quản lý, tiếp tục sử dụng cho cuộc bầu cử tiếp theo. Cụ thể như sau:

- Các Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban bầu cử ở cấp xã bàn giao các con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh bàn giao con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU
QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

STT	Danh mục văn bản
1	Hiến pháp năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15
2	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15
3	Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15
4	Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15
5	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15
6	Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
7	Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia

STT	Danh mục văn bản
8	Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
9	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI
10	Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung
11	Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách
12	Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
13	Nghị quyết số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

STT	Danh mục văn bản
14	Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
15	Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTW MTTQVN ngày 26/9/2025 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
16	Nghị quyết số 05/NQ-HĐBCQG ngày 10/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia
17	Nghị quyết số 06/NQ-HĐBCQG ngày 11/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia
18	Nghị quyết số 09/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Nhân sự
19	Nghị quyết số 08/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Văn bản pháp luật và Giải quyết khiếu nại, tố cáo
20	Nghị quyết số 07/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền
21	Nghị quyết số 10/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội
22	Nghị quyết số 88/2025/UBTVQH ngày 10/7/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia

STT	Danh mục văn bản
23	Nghị quyết số 11/NQ-HĐBCQG ngày 21/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc phân công Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia
24	Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
25	Kế hoạch của Hội đồng bầu cử quốc gia triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
26	Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
27	Thông tri số 05/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
28	Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 09/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
29	Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp

STT	Danh mục văn bản
30	Hướng dẫn số 27-HD/BTGTW ngày 11/9/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
31	Kế hoạch số 5271/KH-BVHTTDL ngày 06/10/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
32	Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
33	Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
34	Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 07/10/2025 của Bộ Công an ban hành Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031
35	Công văn số 4959/BCA-C06 ngày 04/11/2025 của Bộ Công an về việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Hệ thống các biểu mẫu để sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được quy định cụ thể như sau:

▪ *Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (11 mẫu):*

- Mẫu số 01/BCĐBQH-MT - mẫu Biên bản các hội nghị hiệp thương ở trung ương và địa phương (V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI).

- Mẫu số 02/BCĐBQH-MT - mẫu Biên bản họp Ban lãnh đạo dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 03/BCĐBQH-MT - mẫu Biên bản hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 04/BCĐBQH-MT - mẫu Danh sách những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (Do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử).

- Mẫu số 05/BCĐBQH-MT - mẫu Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (Kèm theo Biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...).

- Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT - mẫu Biên bản các hội nghị hiệp thương ở các cấp (V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT - mẫu Biên bản họp Ban lãnh đạo dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT - mẫu Biên bản hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT - mẫu Danh sách những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT - mẫu Danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031 (Kèm theo biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ... ngày... tháng... năm...).

- Mẫu số 06/BBKPHN - mẫu Biên bản kiểm phiếu.

▪ *Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung (04 mẫu):*

- Mẫu số 01/HNCT - mẫu Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác (nơi làm việc) lấy ý kiến nhận xét đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Mẫu số 02/HNCT - mẫu Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến cử tri nơi cư trú.

- Mẫu số 03/HNMT - mẫu Biên bản hội nghị Ban công tác Mặt trận dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Mẫu số 04/HNCT - mẫu Biên bản hội nghị cử tri giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu... nhiệm kỳ...

- Mẫu số 05/HNCT - mẫu Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến cử tri... bằng hình thức trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

- Mẫu số 06/BBKP - mẫu Biên bản kiểm phiếu.

- Mẫu số 07/PLYK - mẫu Phiếu lấy ý kiến.

- Mẫu số 08/PLYK - mẫu Phiếu lấy ý kiến.

▪ Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (39 mẫu):

- Mẫu số 01/HĐBC-QH - mẫu Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 02/HĐBC-QH - mẫu Sơ yếu lý lịch của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 03/HĐBC-QH - mẫu Tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 04/HĐBC-QH - mẫu Giấy biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 05/HĐBC-HĐND - mẫu Đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 06/HĐBC-HĐND - mẫu Sơ yếu lý lịch của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 07/HĐBC-HĐND - mẫu Tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 08/HĐBC-HĐND - mẫu Giấy biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 09/HĐBC - mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Mẫu số 10/HĐBC - mẫu Thẻ cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 11/HĐBC - mẫu Giấy chứng nhận để cử tri tham gia bỏ phiếu ở nơi khác.

- Mẫu số 12/HĐBC - mẫu Giấy chứng nhận cử tri là quân nhân tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú.

- Mẫu số 13/HĐBC-QH - mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 14/HĐBC-HĐND - mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 15/HĐBC-HĐND - mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 16/HĐBC-QH - mẫu Báo cáo về dự kiến phân bổ những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo đơn vị bầu cử của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

- Mẫu số 17/HĐBC-QH - mẫu Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở từng đơn vị bầu cử.

- Mẫu số 18/HĐBC-QH - mẫu Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của Tổ bầu cử.

- Mẫu số 19/HĐBC-QH - mẫu Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Mẫu số 20/HĐBC-QH - mẫu Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố.

- Mẫu số 21/HĐBC-QH - mẫu Báo cáo về danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 22/HĐBC-HĐND - mẫu Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 23/HĐBC-HĐND - mẫu Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Tổ bầu cử.

- Mẫu số 24/HĐBC- HĐND - mẫu Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp.

- Mẫu số 25/HĐBC- HĐND - mẫu Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban bầu cử.

- Mẫu số 26/HĐBC-HĐND - mẫu Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban bầu cử.

- Mẫu số 27/HĐBC - mẫu Báo cáo tình hình và kết quả sơ bộ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

- Mẫu số 28/HĐBC - mẫu Biểu thống kê sơ bộ kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 29/HĐBC - mẫu Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

- Mẫu số 30/HĐBC - mẫu Biểu thống kê chính thức kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

- Mẫu số 31/HĐBC - mẫu Danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 32/HĐBC - mẫu Biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 33/HĐBC-QH - mẫu Nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 34/HĐBC-QH - mẫu Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 35/HĐBC-HĐND - mẫu Nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 36/HĐBC-HĐND - mẫu Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 37/HĐBC-QH - mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Mẫu số 38/HĐBC-HĐND - mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân... khóa... nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Mẫu số 39/HĐBC - Mẫu dấu đã bỏ phiếu của Tổ bầu cử.

▪ *Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (02 mẫu):*

- Mẫu số 01 - mẫu Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu.

- Mẫu số 02 - mẫu Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	2
---------------------	---

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 có ý nghĩa chính trị như thế nào?	7
Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?	8
Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?	11
Câu 4. Nhiệm kỳ của Quốc hội được quy định như thế nào?	14
Câu 5. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội nước ta như thế nào?	14
Câu 6. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	15
Câu 7. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?	15
Câu 8. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	17
Câu 9. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	18
Câu 10. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội được quy định như thế nào? ...	19
Câu 11. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương? Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	21
Câu 12. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	22

Câu 13. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?	22
Câu 14. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	23
Câu 15. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	25
Câu 16. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	25
Câu 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?	28
Câu 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	35
Câu 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu được quy định như thế nào?	41
Câu 20. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?	42
Câu 21. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?	43
Câu 22. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?	44
Câu 23. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?	45
Câu 24. Thế nào là nguyên tắc phổ thông trong bầu cử?	45
Câu 25. Thế nào là nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử?	46
Câu 26. Thế nào là nguyên tắc bầu cử trực tiếp?	47
Câu 27. Thế nào là nguyên tắc bỏ phiếu kín?	48
Câu 28. Thế nào là bầu cử dân chủ, đúng pháp luật?	49
Câu 29. Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu là bao nhiêu người? Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI được quy định như thế nào?	50
Câu 30. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố do cơ quan nào dự kiến và theo căn cứ nào? ...	51

Câu 31. Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?.....	52
Câu 32. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?.....	53
Câu 33. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?.....	53
Câu 34. Trường hợp số dân dùng để tính số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính còn dư thì có được làm tròn số không?	55
Câu 35. Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?.....	57
Câu 36. Việc xác định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?	60
Câu 37. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?.....	65
Câu 38. Trách nhiệm của Chính phủ đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	66
Câu 39. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	67
Câu 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	67
Câu 41. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	68

Câu 42. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử được quy định như thế nào?	69
Câu 43. Đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?.....	70
Câu 44. Việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?	71
Câu 45. Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	72
Câu 46. Khu vực bỏ phiếu là gì? Việc xác định khu vực bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?.....	73
Câu 47. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào?	74
Câu 48. Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?	79

Phần thứ hai

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Câu 49. Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?.....	82
Câu 50. Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập như thế nào? Số lượng thành viên, cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?	83
Câu 51. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Hội đồng bầu cử quốc gia là gì?	84
Câu 52. Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào? ..	84
Câu 53. Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	86

Câu 54. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia được tổ chức như thế nào?	87
Câu 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như thế nào?	89
Câu 56. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố được thành lập như thế nào?	91
Câu 57. Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu được thành lập như thế nào?	92
Câu 58. Trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?.....	93
Câu 59. Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, các Ủy ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	95
Câu 60. Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập như thế nào?	98
Câu 61. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được thành lập như thế nào?	99
Câu 62. Người tham gia làm thành viên Ban bầu cử này có được đồng thời tham gia kiêm nhiệm thành viên Ban bầu cử khác nữa không?.....	100
Câu 63. Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?	101
Câu 64. Tổ bầu cử được thành lập như thế nào?	102
Câu 65. Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập như thế nào? Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung khu vực bỏ phiếu thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?	103
Câu 66. Việc thành lập Tổ bầu cử tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác được thực hiện như thế nào?	104
Câu 67. Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?	105
Câu 68. Các tổ chức phụ trách bầu cử hoạt động theo nguyên tắc nào?	106

Câu 69. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức công việc như thế nào?	107
Câu 70. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?	108
Câu 71. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được sử dụng con dấu như thế nào?	109
Câu 72. Khi nào Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ?	110
Câu 73. Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử và việc thay đổi, bổ sung hoặc giữ nguyên thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào? ...	110
Câu 74. Trường hợp bị khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thì xử lý như thế nào?	111
Câu 75. Việc trưng tập người để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như thế nào?	111
Câu 76. Khi nào Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ?	112

Phần thứ ba

CỬ TRI VÀ DANH SÁCH CỬ TRI

Câu 77. Những người nào được gọi là cử tri?	113
Câu 78. Việc xác định một người có quốc tịch Việt Nam được quy định như thế nào?	113
Câu 79. Cách tính tuổi công dân để ghi tên vào danh sách cử tri được quy định như thế nào?	116
Câu 80. Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?	117
Câu 81. Người bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?	118
Câu 82. Người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?	119

Câu 83. Thế nào là người mất năng lực hành vi dân sự? Người có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nhưng không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?	119
Câu 84. Người vừa câm, vừa điếc có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?	120
Câu 85. Việc lập danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?	121
Câu 86. Việc lập danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri đối với các đơn vị vũ trang nhân dân được thực hiện như thế nào?	122
Câu 87. Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không?	124
Câu 88. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?	125
Câu 89. Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã? ..	126
Câu 90. Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?	127
Câu 91. Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào?	128
Câu 92. Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?	130
Câu 93. Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?	131
Câu 94. Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?	132

Câu 95. Việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri sau khi danh sách cử tri đã được lập và niêm yết được thực hiện như thế nào?	133
Câu 96. Những lưu ý khác trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri là gì?	137
Câu 97. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?	138
Câu 98. Cách thức ghi số Thẻ cử tri theo danh sách cử tri?	140
Câu 99. Việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay chữ thường?	141

Phần thứ tư

VIỆC ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Câu 100. Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?	142
Câu 101. Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?	143
Câu 102. Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?	147
Câu 103. Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”?	148
Câu 104. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không?	149
Câu 105. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?	149
Câu 106. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì?	150
Câu 107. Người ứng cử có phải nộp giấy khám sức khỏe để chứng minh mình đáp ứng tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hay không?	151
Câu 108. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?	153

Câu 109. Việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?	155
Câu 110. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?	157
Câu 111. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào? ...	158
Câu 112. Yêu cầu đối với việc lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	160
Câu 113. Số người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải đáp ứng yêu cầu nào?	162
Câu 114. Việc xử lý trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được thực hiện như thế nào?	163
Câu 115. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?	166
Câu 116. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào?	167
Câu 117. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào?	168
Câu 118. Các trường hợp nào bị xóa tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?	169

Phần thứ năm

TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ

Câu 119. Việc tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử gồm những bước, công đoạn nào?	171
Câu 120. Hội nghị hiệp thương là gì? Do cơ quan, tổ chức nào triệu tập và chủ trì?	172

- Câu 121. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?173
- Câu 122. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?175
- Câu 123. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và trình tự, thủ tục tiến hành hội nghị?177
- Câu 124. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội như thế nào?179
- Câu 125. Việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được quy định như thế nào?180
- Câu 126. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?181
- Câu 127. Cuộc họp Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đề cử kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?183
- Câu 128. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được đề cử kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức như thế nào?184
- Câu 129. Hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?191
- Câu 130. Hội nghị Ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?193
- Câu 131. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?196

- Câu 132. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?201
- Câu 133. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?203
- Câu 134. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?206
- Câu 135. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?209
- Câu 136. Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?215
- Câu 137. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?217
- Câu 138. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?218
- Câu 139. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành?220
- Câu 140. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?223
- Câu 141. Sau khi đã hết thời hạn tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai thì có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đề đưa ra hội nghị hiệp thương lần thứ ba được không?225

Phần thứ sáu

TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

- Câu 142. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được quy định như thế nào?227
- Câu 143. Việc tổ chức tuyên truyền về cuộc bầu cử nhằm mục đích gì?228
- Câu 144. Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử cần tập trung vào các nội dung nào?229
- Câu 145. Các khẩu hiệu nào cần được tập trung sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031?.....235
- Câu 146. Các mốc thời gian cần tập trung cho công tác thông tin, tuyên truyền là như thế nào?237
- Câu 147. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì?239
- Câu 148. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?.....240
- Câu 149. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?240
- Câu 150. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?242
- Câu 151. Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào?243

Phần thứ bảy

NGÀY BẦU CỬ, NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ BỎ PHIẾU, KIỂM PHIẾU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ

- Câu 152. Ngày bầu cử được quy định như thế nào?.....245
- Câu 153. Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không?245

Câu 154. Việc tổ chức bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu sớm được quy định như thế nào?	247
Câu 155. Các địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang trí, tổ chức như thế nào?	250
Câu 156. Các nội dung của Nội quy phòng bỏ phiếu?	252
Câu 157. Các nội dung của Thẻ lệ bầu cử?	254
Câu 158. Hòm phiếu để phục vụ công tác bầu cử phải đáp ứng những yêu cầu gì?	256
Câu 159. Hòm phiếu phụ là gì? Trong trường hợp nào thì dùng hòm phiếu phụ?	257
Câu 160. Phiếu bầu cử được quy định như thế nào?	258
Câu 161. Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử được nhận bàn giao các loại tài liệu, vật tư nào để sử dụng trong công tác bầu cử?	260
Câu 162. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trước ngày bầu cử là gì?	261
Câu 163. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trong ngày bầu cử là gì?	264
Câu 164. Lễ khai mạc cuộc bầu cử được tổ chức như thế nào?	270
Câu 165. Trước khi bỏ phiếu, thủ tục kiểm tra hòm phiếu được thực hiện như thế nào?	272
Câu 166. Nguyên tắc bỏ phiếu được quy định như thế nào?	272
Câu 167. Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào?	273
Câu 168. Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử?	274
Câu 169. Thẻ cử tri sau khi công dân đã bỏ phiếu xong thì xử lý như thế nào?	275

Câu 170. Việc xử lý đối với một số tình huống đặc biệt có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử được thực hiện như thế nào?	275
Câu 171. Những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu được xử lý như thế nào?	277
Câu 172. Việc kiểm phiếu được tiến hành như thế nào? Những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?	277
Câu 173. Việc tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?	280
Câu 174. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?	283
Câu 175. Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?	285
Câu 176. Việc kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử được Tổ bầu cử thực hiện như thế nào?	286
Câu 177. Việc tính và ghi tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được thể hiện như thế nào?	287
Câu 178. Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?	287
Câu 179. Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?	288
Câu 180. Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu gồm những nội dung gì?	288
Câu 181. Biên bản xác định kết quả bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử gồm những nội dung gì?	290
Câu 182. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung gì?	292
Câu 183. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung gì?	294
Câu 184. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố gồm những nội dung gì?	296
Câu 185. Bầu cử thêm là gì? Việc bầu cử thêm được thực hiện như thế nào?	297

Câu 186. Bầu cử lại là gì? Việc bầu cử lại được thực hiện như thế nào?	299
Câu 187. Trong trường hợp phải tổ chức bầu cử thêm, bầu cử lại thì thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử cũng như việc móc tính thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố được thực hiện như thế nào?	300
Câu 188. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội gồm những nội dung gì?	301
Câu 189. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm những nội dung gì?	303
Câu 190. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tiến hành vào thời điểm nào?	304
Câu 191. Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?	305
Câu 192. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?	306
Câu 193. Thế nào là bầu cử bổ sung? Việc bầu cử bổ sung được thực hiện khi nào?	308
Câu 194. Việc niêm phong, quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?	309
Câu 195. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu được thực hiện như thế nào?	310
Phụ lục 1. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031	312
Phụ lục 2. DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031	317

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TS. TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập: NGUYỄN HUY TIẾN

VŨ MINH HUYỀN

TRƯƠNG MINH ĐỨC

Chế bản: VŨ NGỌC HẢI

Sửa bản in: VŨ MINH HUYỀN

Họa sĩ bìa: ĐẶNG NGUYỄN VŨ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

Website: <https://nxbkhcntt.vn>; book365.vn;

ebook365.vn; ebook.gov.vn

Trụ sở: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện -

115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.35772143

Điện thoại Phát hành: 024.35772138

E-mail: nxb.tttt@mst.gov.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 27 Nguyễn Bình Khiêm, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.35127750/51

E-mail: cnsq.nxbtttt@mst.gov.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TẠI MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng

46 Y Jút, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0236.3897467

E-mail: cndn.nxbtttt@mst.gov.vn

In 765 bản, khổ 13 × 19 cm, tại Công ty TNHH Sản xuất - TM Hưng Hà.

Địa chỉ: Số 9 TT Điện tử Sao Mai, P. Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4484-2025/CXBIPH/11-186/KHCNTT.

Quyết định xuất bản số: 652/QĐ-NXBKHCNTT ngày 7 tháng 11 năm 2025.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2025.

Mã ISBN: 978-604-45-1985-2